

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



EVNGENCO3

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3

BẢN CÁO BẠCH

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3

- CÔNG TY CỔ PHẦN

(Giấy CNDKDN số 3502208399 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp đăng ký lần đầu ngày 26/11/2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 05/10/2021)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số: 731.../QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 12 năm 2021)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 - CÔNG TY CỔ PHẦN

Trụ sở chính: Số 60-66 đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, Thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

2. CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Trụ sở chính: Tầng 12 & 17 Toà nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Chi nhánh Hồ Chí Minh: Lầu 1 và Lầu 7, Tòa nhà Green Star, 70 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Nguyễn Thị Thanh Hương SĐT: 0283636 7449 Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 - CÔNG TY CỔ PHẦN

(Giấy CNĐKDN số 3502208399 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp đăng ký lần đầu ngày 26/11/2012 và Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 05/10/2021)

Trụ sở chính: Số 60-66 đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, Thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3636 7449 Fax: (028) 3636 7450

Website: www.genco3.com

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Tên cổ phiếu: Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mã cổ phiếu: PGV

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

Tổng số lượng niêm yết: 1.123.468.046 cổ phiếu

Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá): 11.234.680.460.000 đồng (Mười một nghìn hai trăm ba mươi bốn tỷ sáu trăm tám mươi triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

Địa chỉ: Lầu 8 Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, Phường Bến Nghé, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3823 0796

Website: www.pwc.com/vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 12 & 17 Toà nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3936 6990 Fax: (024) 3936 0262

Chi nhánh Hồ Chí Minh: Lầu 1 và Lầu 7, Tòa nhà Green Star, 70 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3820 8116 Fax: (028) 3820 0508

Website: www.vCBS.com.vn

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	6
1. Rủi ro về kinh tế.....	6
2. Rủi ro về luật pháp.....	9
3. Rủi ro đặc thù.....	10
4. Rủi ro khác.....	11
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	13
1. Tổ chức niêm yết.....	13
2. Tổ chức tư vấn.....	13
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	14
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	16
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	16
1.1 Giới thiệu về tổ chức niêm yết.....	16
1.2 Quá trình hình thành, phát triển.....	19
1.3 Quá trình tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty.....	19
2. Cơ cấu tổ chức Tổng Công ty	21
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Tổng Công ty.....	23
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ Tổng Công ty, danh sách cổ đông sáng lập, danh sách cổ đông hạn chế chuyển nhượng và cơ cấu cổ đông.....	29
4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ.....	29
4.2 Danh sách cổ đông sáng lập: Tổng Công ty không có cổ đông sáng lập.....	29
4.3 Cơ cấu cổ đông.....	29
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền Kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền Kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết.....	29
6. Hoạt động kinh doanh.....	32
6.1 Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính.....	32
6.2 Nhiên liệu.....	40
6.3 Chi phí sản xuất.....	41
6.4 Trình độ công nghệ:.....	43
6.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển các dự án mới.....	46
6.6 Tình hình kiểm tra chất lượng.....	47
6.7 Hoạt động Quan hệ cộng đồng.....	47
6.8 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	48

6.9	Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	48
7.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	50
7.1	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019, 2020 và 9 tháng đầu năm 2021.....	50
7.2	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong năm báo cáo 2020.....	52
8.	Vị thế của Tổng Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	52
8.1	Vị thế của Tổng Công ty trong ngành.....	52
8.2	Triển vọng phát triển ngành Điện.....	53
8.3	Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổng Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.....	54
9.	Chính sách đối với người lao động.....	55
9.1	Số lượng lao động trong Tổng Công ty.....	55
9.2	Chính sách đối với người lao động.....	56
9.3	Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:.....	57
10.	Chính sách cổ tức.....	57
11.	Tình hình hoạt động tài chính.....	58
11.1	Các chỉ tiêu cơ bản.....	58
11.2	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	62
12.	Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng.....	63
12.1	Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng....	63
12.2	Sơ yếu lý lịch.....	64
13.	Tài sản.....	79
14.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh.....	82
14.1	Định hướng và phát triển.....	84
14.2	Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh chính:.....	86
14.3	Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.....	87
14.4	Kết quả hoạt động 9 tháng đầu năm 2021.....	87
15.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	88
16.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết.....	88
17.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổng Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết.....	88
V.	CỔ PHIẾU NIÊM YẾT	89
1.	Loại chứng khoán.....	89
2.	Mệnh giá.....	89
3.	Tổng số chứng khoán niêm yết.....	89



4.	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết.....	89
5.	Phương pháp tính giá	91
6.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	93
7.	Các loại thuế có liên quan đến chứng khoán niêm yết.....	93
7.1	Các loại thuế liên quan tới tổ chức niêm yết.....	93
7.2	Các loại thuế liên quan tới hoạt động giao dịch chứng khoán	93
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	95
1.	Tổ chức tư vấn.....	95
2.	Tổ chức kiểm toán.....	95
VII.	PHỤ LỤC LIÊN QUAN CỦA BẢN CÁO BẠCH.....	96



Tổng Công ty hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nên kết quả hoạt động kinh doanh cũng như sự tăng trưởng của Tổng Công ty phụ thuộc nhiều vào sự tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong suốt 10 năm qua tương đối ổn định, Việt Nam trở thành điểm sáng trong thu hút đầu tư, từ đó đã tạo ra nhiều cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp trong nước. Mặc dù nền kinh tế Việt Nam được dự đoán sẽ tăng trưởng trong các năm tiếp theo nhưng trong bối cảnh diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19, tình hình kinh tế, chính trị, xã hội thế giới còn nhiều vấn đề bất ổn, kinh tế Việt Nam vẫn chưa dừng các rủi ro tiềm ẩn. Tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm sút có thể ảnh hưởng tới nhu cầu phụ tài hệ thống

giới. công lớn của Việt Nam. Mức tăng trưởng năm 2020 của Việt Nam thuộc nhóm cao nhất thế 19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường kinh tế – xã hội thì đây là thành mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011-2020 nhưng trong bối cảnh dịch Covid-2,91% (Quý I tăng 3,68%, quý II tăng 0,39%, quý III tăng 2,69%, quý IV tăng 4,48%), tuy là tăng 2,58% so với năm 2020 khi nền kinh tế phục hồi trở lại. Trong năm 2020, GDP tăng quan trọng tình hình dịch Covid-19 tại bùng phát trong cộng đồng. Ước tính GDP năm 2021 góp 98,53%; khu vực dịch vụ giảm 0,69%, làm giảm 22,05%. Đây là mức tăng trưởng khá thủy sản tăng 2,74%, đóng góp 23,52%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,57%, đóng góp 2,91%. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và kinh tế, nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng so với cùng kỳ năm 2020 do dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới môi trường kinh tế của nền Theo số liệu của Tổng cục Thống kê (“GSO”), GDP 9 tháng năm 2021 chỉ tăng 1,42% do tổng quát nhất cho sự tăng trưởng đó.

duy trì hoạt động đó trong trung và dài hạn. GDP (tổng sản phẩm quốc nội) được xem là thước hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty trong ngành hàn và là tác động phát tín hiệu để Nền kinh tế được dự báo có tăng trưởng tích cực được xem là nền tảng giúp thúc đẩy

1.1. Rủi ro về tăng trưởng

và đảm bảo sự vận hành mô hình kinh doanh. mô nền kinh tế giúp dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng kịp thời với sự biến động của các yếu tố từ môi trường kinh doanh. Phân tích môi trường vì Hiệu quả hoạt động và triển vọng kinh doanh đặt ra yêu cầu doanh nghiệp phải thích nghi sự thay đổi của các nhân tố đó.

Tổng Công ty Phát triển 3 - Công ty cổ phần cũng không nằm ngoài phạm vi ảnh hưởng trước rủi ro đó đem lại. Là một cá thể tham gia vào tổng thể hoạt động của nền kinh tế, chắc chắn nhập không chỉ kéo theo sự lan truyền rủi ro ngày càng nhanh mà còn khuếch đại tác động mà quốc nội, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, cân cán thương mại, dịch bệnh... Nền kinh tế hội do hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế: Tổng sản phẩm Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định. Những rủi ro

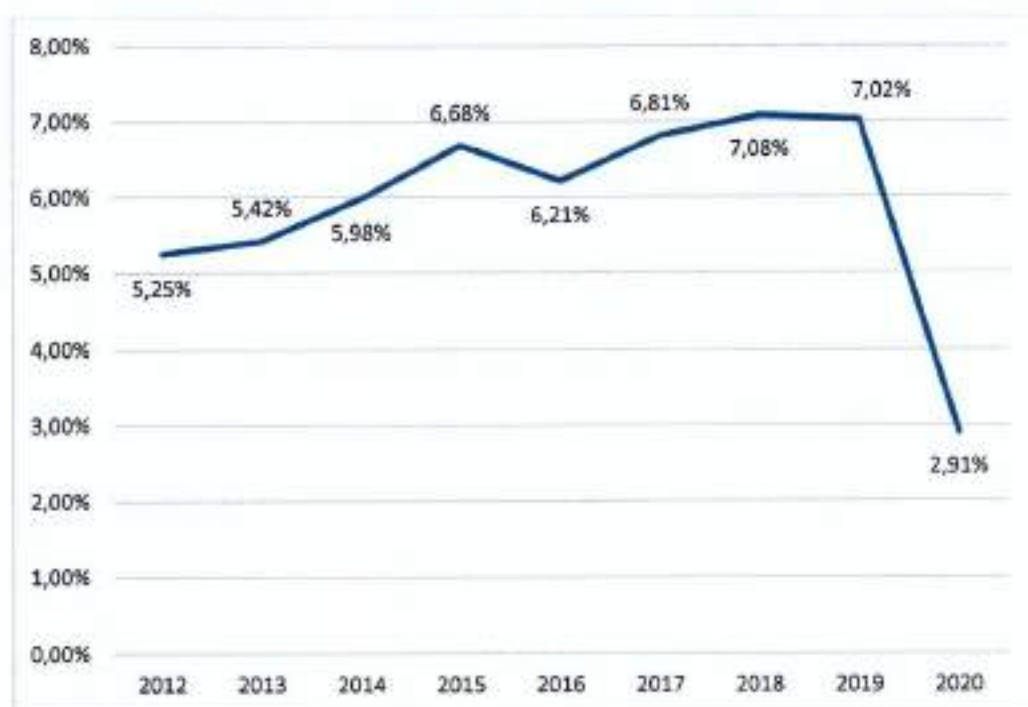
1. Rủi ro về kinh tế

1. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO



điện, qua đó tạo ra rủi ro doanh thu, dòng tiền, ảnh hưởng đến lợi nhuận và hoạt động của Tổng Công ty.

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP VIỆT NAM TỪ 2012 – 2020



Nguồn: Thống kê của Tổng cục Thống kê Việt Nam

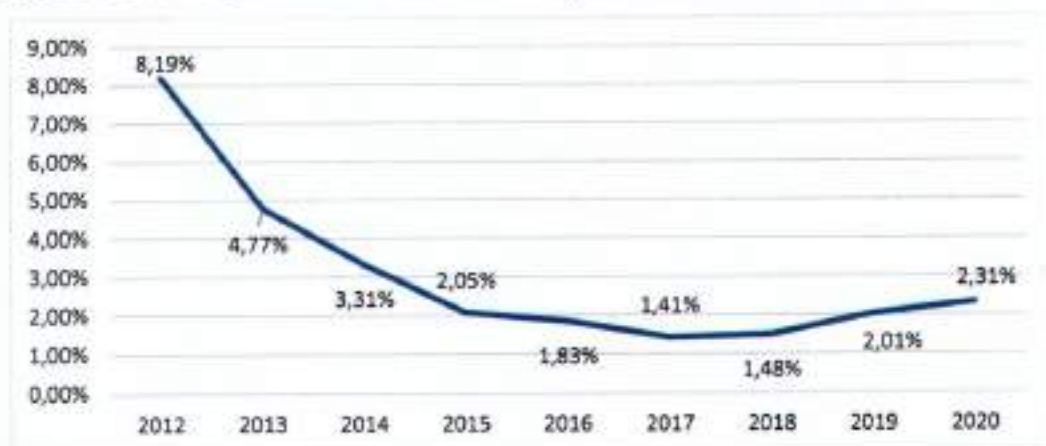
1.2. Rủi ro về lạm phát

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9/2021 giảm 0,62% so với tháng trước, tăng 1,88% so với tháng 12/2020 và tăng 2,06% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung quý III năm 2021, CPI tăng 0,93% so với quý trước và tăng 2,51% so với cùng kỳ năm 2020. CPI bình quân 9 tháng năm 2021 tăng 1,82% so với bình quân cùng kỳ năm 2020.

Lạm phát cơ bản tháng 9/2021 giảm 0,26% so với tháng trước, tăng 0,74% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân 9 tháng năm 2021 tăng 0,88% so với bình quân cùng kỳ năm 2020. Các gói kích thích kinh tế trên toàn cầu và giá hàng hóa cơ bản gia tăng – đặc biệt là giá dầu thô – có thể làm gia tăng áp lực lạm phát từ nay đến cuối năm..

Với những diễn biến khó lường của kinh tế thế giới trong năm 2021, nền kinh tế vẫn còn phải đối mặt với những nguy cơ bất ổn và lạm phát có thể quay trở lại bất cứ lúc nào. Do điện là mặt hàng tiêu dùng thiết yếu nên sự biến động của tỷ lệ lạm phát không ảnh hưởng nhiều tới mức tiêu thụ điện của các đối tượng khách hàng. Tuy nhiên, khi lạm phát tăng, các chi phí liên quan đến việc sản xuất điện của Tổng Công ty tăng có thể làm giảm lợi nhuận của Tổng Công ty. Để giảm thiểu tác động của rủi ro lạm phát đến hoạt động kinh doanh, Tổng Công ty luôn tăng cường hệ thống Quản trị rủi ro và chú trọng công tác dự báo kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán.

LẠM PHÁT VIỆT NAM TỪ 2012 - 2020 (SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC)



Nguồn: Thống kê của Tổng cục Thống kê Việt Nam

1.3. Rủi ro về tỷ giá

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần hiện có dư nợ vay chủ yếu là các khoản nợ vay nước ngoài bằng ngoại tệ (Đô la Mỹ, Yên Nhật, Nhân dân tệ). Do vậy, trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam so với các đồng tiền trên thay đổi sẽ làm ảnh hưởng tới lợi nhuận của Tổng Công ty tương ứng.

Tổng Công ty thực hiện trả nợ gốc hàng năm theo quy định của Hợp đồng vay, theo đó hiện nay dư nợ vay đang giảm dần và sẽ giảm dần rủi ro tỷ giá. Trong trường hợp tỷ giá biến động mạnh, Tổng Công ty sẽ cân đối tài chính và xem xét phương án trả nợ trước hạn đối với các khoản vay ngoại tệ có rủi ro biến động lãi suất cao.

1.4. Rủi ro về lãi suất

Lãi suất được xem là một trong những công cụ quan trọng nhất và hữu dụng hàng đầu của chính sách tiền tệ. Các biến động về lãi suất sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

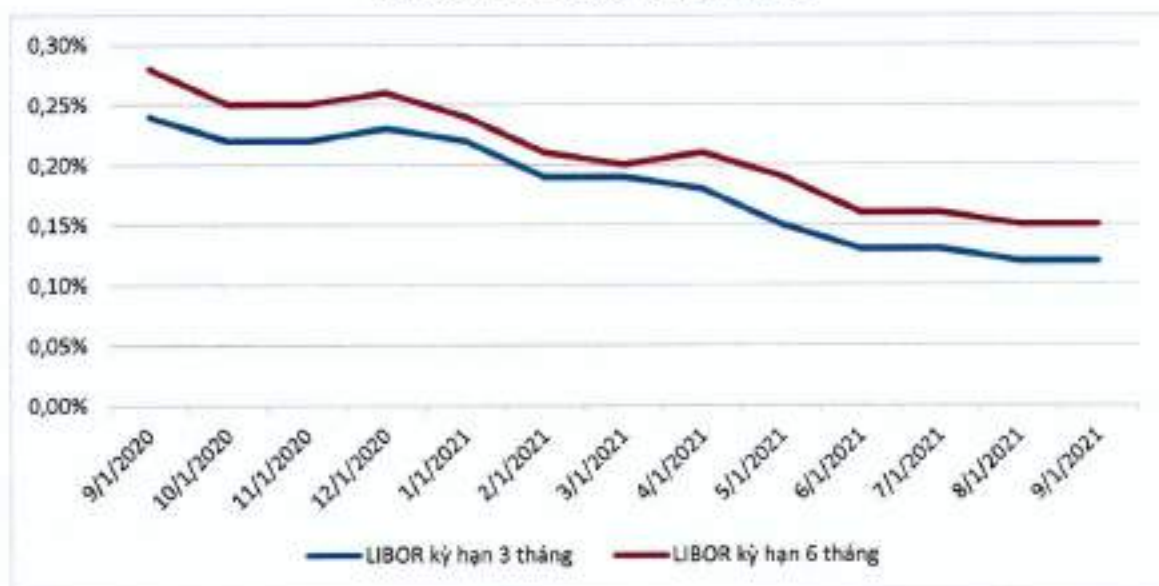
Trong vòng 12 tháng gần nhất, mặt bằng lãi suất huy động trong nước có xu hướng giảm và dao động ở mức 4,6 - 6,0%/năm đối với kỳ hạn 12 tháng trở lên. Theo đó, lãi suất vay vốn trong nước của Tổng Công ty đã giảm tương ứng.

Trong vòng 12 tháng trở lại đây, lãi suất cho vay liên ngân hàng London (LIBOR) 6 tháng có xu hướng giảm mạnh (giảm từ 0,2793%/năm trong tháng 09/2020 xuống còn 0,1549%/năm trong tháng 08/2021).

Theo báo cáo đề xuất chuyển đổi lãi suất tham chiếu cho sản phẩm vay tài chính, Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) cho biết tháng 7/2021, Cơ quan Quản lý tài chính Vương quốc Anh (FCA) đã thông báo ý định ngừng sử dụng lãi suất cho vay liên ngân hàng London (LIBOR) vào cuối năm 2021. Đối với các giao dịch USD sử dụng Lãi suất LIBOR kỳ hạn 1 tuần và 2 tháng ngay sau ngày 31/12/2021 sẽ chấm dứt sử dụng lãi suất LIBOR để tham chiếu, các giao dịch còn lại sẽ chấm dứt ngay lập tức sau ngày 30/6/2023.

Hiện tại, một số khoản vay lớn của Tổng Công ty bằng USD đều được điều chỉnh theo Lãi suất LIBOR 6 tháng + biên độ, theo đó Tổng Công ty và các bên liên quan sẽ có phương án thay đổi Lãi suất tham chiếu trong thời gian tới cho các khoản vay nước ngoài bằng USD.

LIBOR 3 THÁNG - 6 THÁNG



Nguồn: Fred data

Với diễn biến thuận lợi của lãi suất như thời gian qua đã giúp Tổng Công ty ổn định các loại chi phí tài chính, tác động tích cực đến kết quả kinh doanh của Tổng Công ty. Trường hợp lãi suất biến động tăng trở lại, tương tự như giải pháp quản lý rủi ro tỷ giá, Tổng Công ty sẽ xem xét phương án trả nợ trước hạn đối với các khoản vay có lãi suất cao.

1.5. Rủi ro kinh tế khác

Tình hình kinh tế vĩ mô thế giới và trong nước đã có những bước tiến đáng kể trong thời gian qua. Tuy nhiên, kinh tế thế giới năm 2021 tiếp tục phải đối mặt với những rủi ro từ sự bất ổn của đại dịch Covid-19, điều này sẽ có những tác động nhất định tới thương mại toàn cầu nói chung và của Việt Nam nói riêng.

Tuy vậy, kinh tế nước ta năm 2021 được dự báo vẫn tiếp tục có sự tăng trưởng. Với những đặc thù riêng của ngành sản xuất điện nên hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần được đánh giá ít chịu ảnh hưởng của rủi ro kinh tế hơn những công ty hoạt động trong các lĩnh vực khác.

2. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật và chính sách của Nhà nước, bao gồm: Luật Doanh nghiệp, các chính sách thuế, chính sách về giá bán điện, các cam kết hội nhập, các quy định về bảo vệ môi trường... Khi tham gia thị trường chứng khoán, Tổng Công ty còn chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về thị trường chứng khoán.

Là một đất nước đang phát triển, các thể chế, chính sách cũng như pháp luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên thường có sự thay đổi. Chính sách và pháp luật có tác dụng định hướng phát triển chung cho nền kinh tế cũng như cho các doanh nghiệp. Do đó, mỗi thay đổi về mặt chính sách và pháp luật có thể tạo cơ hội hay rủi ro cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Tổng Công ty luôn thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật có

liên quan để nắm bắt kịp thời những thay đổi trong các quy định pháp luật, đồng thời giảm thiểu rủi ro cho Tổng Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

Các nhà máy sản xuất điện sử dụng nhiên liệu hóa thạch bị tác động lớn bởi giá nguyên liệu đầu vào. Theo thống kê, giá nhiên liệu, bao gồm giá xăng dầu, khí đốt và than chiếm trên 60% chi phí sản xuất điện và là yếu tố chính chi phối giá điện.

Về nhiên liệu than

Căn cứ Quy hoạch điện VII, nhu cầu than cho ngành điện đến năm 2030 được ước tính khoảng 131,1 triệu tấn cho 75.000 MW nhiệt điện than. Trong khi đó theo quy hoạch của ngành than thì lượng than thương phẩm sản xuất của toàn ngành năm 2030 chỉ đạt 55 - 57 triệu tấn. Do đó, có thể thấy nguồn than trong nước sẽ không thể đáp ứng đủ cho ngành điện và buộc phải nhập khẩu. Việc nhập khẩu than khiến doanh nghiệp chịu rủi ro từ việc tăng giá theo thị trường than thế giới.

Hiện nay các NMNĐ than của EVNGENCO3 đều đã ký hợp đồng cung cấp than dài hạn với Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam và Tổng Công ty Đông Bắc để đảm bảo khoảng 80% nhu cầu than cho nhà máy hoạt động. Giá than của Tập đoàn Than Khoáng Sản Việt Nam (TKV), Tổng Công ty Đông Bắc bán cho sản xuất điện chịu sự điều tiết của cơ quan nhà nước nên giá than khá ổn định.

Đối với nguồn than nhập khẩu, Tổng Công ty sẽ cân đối so với nguồn trong nước để nhập khẩu khi giá phù hợp. Mặt khác, khi giá nhập khẩu tăng cao và không cạnh tranh so với giá than trong nước, EVNGENCO3 sẽ ưu tiên sử dụng than trong nước từ nguồn than cấp bởi TKV và Tổng Công ty Đông Bắc cũng như triển khai mua sắm từ các nhà cung cấp trong nước khác.

Về nhiên liệu khí

Hiện nay, trên 80% sản lượng khí khai thác trong nước được cung cấp cho các nhà máy nhiệt điện. Theo kế hoạch của Tổng Công ty khí Việt Nam (PV GAS), mục tiêu của đơn vị này trong giai đoạn 2016 - 2035 sẽ đạt 297,6 tỷ m³ khí. Dự báo Tập đoàn Dầu khí Việt Nam sẽ phải nhập khẩu khí trong thời gian tới để đảm bảo nhu cầu khí trong nước.

Các nhà máy điện Phú Mỹ được bao tiêu khí đến năm 2023, sau thời điểm trên, Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần có thể có rủi ro về giá khí và nguồn cung cấp. Nhưng đây cũng là cơ hội để Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần tìm được nguồn nhập LNG có giá cạnh tranh hơn. EVNGENCO3 sẽ triển khai mua nguồn khí thiên nhiên hóa lỏng LNG nhập khẩu để bù đắp cho phần khí trong nước thiếu hụt so với nhu cầu sản xuất điện do các mỏ khí khu vực Đông Nam Bộ ngày càng suy giảm. Việc mua khí LNG nhập khẩu cho sản xuất điện là hoàn toàn khả thi do trong khu vực có Kho cảng Thị Vải của PV Gas và Kho cảng Cái Mép của Công ty TNHH Hải Linh đang triển khai xây dựng và đều đưa vào vận hành trong năm 2022. Trong thời gian tới, theo quy hoạch một số Kho cảng LNG mới cũng sẽ được xây dựng, khi đó thị trường khí sẽ có tính cạnh tranh cao hơn.

Về giá điện

Đặc thù giá bán điện được Nhà nước kiểm soát và điều chỉnh sao cho hài hoà lợi ích của doanh nghiệp và đối tượng sử dụng điện. Để đảm bảo lợi ích chung, nhà nước ban hành ra các khung giá bán điện áp dụng cho các khu vực và đối tượng khác nhau, chính vì thế giá bán điện đôi lúc chưa được điều chỉnh kịp thời so với tình hình giá cả thị trường. Biến động giá không linh hoạt bên cạnh rủi ro về giá nhiên liệu luôn là hạn chế ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của Tổng Công ty.

4. Rủi ro khác

Rủi ro biến động giá cổ phiếu

Việc niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là một xu hướng tất yếu nhằm nâng cao giá trị cho các cổ đông thông qua việc tăng tính thanh khoản và nâng cao hoạt động Quản trị, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Tuy nhiên, khi cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, giá cổ phiếu sẽ biến động không chỉ phụ thuộc vào hoạt động kinh doanh nội tại mà còn chịu sự tác động từ biến động chung của thị trường chứng khoán.

Mặc dù chịu tác động của dịch Covid-19, nhưng 9 tháng đầu năm 2021, thị trường chứng khoán Việt Nam có nhiều dấu hiệu tích cực. Dự báo, trong các tháng cuối năm 2021, thị trường chứng khoán tiếp tục được hỗ trợ bởi nhiều yếu tố, có nhiều yếu tố hỗ trợ để thu hút sự quan tâm của giới đầu tư. Trên thị trường cổ phiếu niêm yết, tính đến ngày 30/9/2021, chỉ số VNIndex đạt 1.342,06 điểm, tăng 0,8% so với cuối tháng trước và tăng 21,6% so với cuối năm 2020. Chỉ số HNX-Index đóng cửa ở mức 357,33 điểm, tăng 4,2% so với cuối tháng trước và tăng 75,9% so với cuối năm 2020. Mức vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt 6.861 nghìn tỷ đồng, tăng 29,6% so với cuối năm 2020, tương đương 109% GDP.

Thực hiện quyết toán cổ phần hóa (CPH)

EVNGENCO3 là doanh nghiệp cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Hiện nay EVNGENCO3 đã triển khai thực hiện quyết toán cổ phần hóa như sau:

- Hoàn thành việc lập và kiểm toán Báo cáo tài chính tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu;
- Thực hiện quyết toán thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước với cơ quan thuế: Cục Thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã xác nhận quyết toán cổ phần hóa;
- Trình hồ sơ quyết toán CPH đến Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp (cơ quan đại diện chủ sở hữu) đề nghị phê duyệt giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần và quyết toán: tiền thu về CPH, chi trả chế độ cho người lao động dôi dư, chi phí CPH theo quy định.

Theo quy định tại Nghị định 126/NĐ-CP/2017, cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm phê duyệt quyết toán cổ phần hóa. Theo đó, kết quả quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 3 sẽ phụ thuộc vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro trên, Tổng Công ty còn chịu các rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Tổng Công ty. Để hạn chế rủi ro, Tổng Công ty thường thu thập, nắm bắt kịp thời thông tin về những diễn biến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội và thời tiết để lên kế hoạch điều hành Tổng Công ty một cách tối ưu, phù hợp với tình hình chung.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông Đinh Quốc Lâm	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Lê Văn Danh	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
Bà Vũ Phương Thảo	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông Phạm Hùng Minh	Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Ông Trần Quốc Việt	Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh
---------------------------	---

(Theo Giấy ủy quyền số 31/2020/UQ-VCBS-KSNB ngày 09/07/2020 của Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh do Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Từ viết tắt	Giải nghĩa
BCTC	Báo cáo tài chính
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BKS	Ban Kiểm soát Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
Cổ phiếu	Chứng chỉ do Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần
DTT	Doanh thu thuần
DHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần
Điều lệ	Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần
Giấy CNĐKDN	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
HĐQT	Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần
SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
Thuế TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp
TMCP	Thương mại cổ phần
EVN	Tập đoàn Điện lực Việt Nam
Tổ chức niêm yết/ Công ty/ Tổng công ty/ PGV/ EVNGENCO3	Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần
Tổ chức tư vấn/VCBS	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
TSCĐ	Tài sản cố định
UBCKNN	Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước

Từ viết tắt	Giải nghĩa
Vốn điều lệ	Là số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi nhận vào điều lệ của Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần
NMD	Nhà máy điện
NMNĐ	Nhà máy Nhiệt điện
NMTĐ	Nhà máy Thủy điện
QLDA	Quản lý dự án
NĐ	Nhiệt điện
TĐ	Thủy điện
CLTG	Chênh lệch tỷ giá
NLĐ	Người lao động

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu về tổ chức niêm yết

- Tên Công ty : **TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 - CÔNG TY CỔ PHẦN**
- Tên Tiếng Anh : **POWER GENERATION JOINT STOCK CORPORATION 3**
- Tên viết tắt : **EVNGENCO3**
- Trụ sở chính : Số 60-66 đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, Thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (028) 3636 7449
- Fax : (028) 3636 7450
- Email : genco3@genco3.evn.vn
- Website : www.genco3.com


EVNGENCO3

- Logo : **TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3**
- Giấy CNĐKDN : Số 3502208399 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp đăng ký lần đầu ngày 26/11/2012 và Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 05/10/2021.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Văn Danh** Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Vốn điều lệ đăng ký: 11.234.680.460.000 đồng (*Mười một nghìn, hai trăm ba mươi bốn tỷ, sáu trăm tám mươi triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*)
- Vốn điều lệ thực góp: 11.234.680.460.000 đồng (*Mười một nghìn, hai trăm ba mươi bốn tỷ, sáu trăm tám mươi triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*)
- Thời điểm trở thành công ty đại chúng: 06/3/2019
- Ngành nghề kinh doanh:

STT	Ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
1	Sản xuất điện <i>Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh điện năng; Đầu tư và quản lý vốn đầu tư các dự án nguồn điện; các dự án năng lượng mặt trời, năng lượng tái tạo; Sản xuất và kinh doanh cơ khí điện lực; Quản lý, vận hành dây chuyền sản xuất điện, công trình điện; Khai thác và chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất điện; Sản xuất vật liệu dùng để cách nhiệt bằng thủy tinh; Sản xuất vật liệu cách nhiệt, cách điện (trừ truyền tải, điều độ hệ</i>	3511 (Chính)

	<i>thống điện quốc gia và xây dựng, vận hành thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân)</i>	
2	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Mua bán nhiên liệu, nguyên liệu, nguyên vật liệu, vật tư thiết bị ngành điện; Bán buôn tro xỉ</i>	4669
3	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
4	Khai thác và thu gom than non	0520
5	Khai thác và thu gom than bùn	0892
6	Khai thác và thu gom than cứng	0510
7	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
8	Khai thác dầu thô	0610
9	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế <i>Chi tiết: Chế biến dầu thô</i>	1920
10	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
11	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn)	4661
12	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (không hoạt động tại trụ sở)	2392
13	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao (không hoạt động tại trụ sở)	2394
14	Sản xuất sản phẩm chịu lửa (không hoạt động tại trụ sở)	2391
15	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép <i>Chi tiết: Mua bán đồ dùng bảo hộ lao động</i>	4641
16	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>Chi tiết: Cung cấp các dịch vụ liên quan đến cơ sở hạ tầng phục vụ công trình điện: Cho thuê nhà xưởng, nhà kho; cho thuê cơ sở hạ tầng phục vụ công trình điện.</i>	6810
17	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
18	Sửa chữa thiết bị điện	3314

	<i>Chi tiết: Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, nâng cấp, cài tạo thiết bị điện, công trình điện</i>	
19	Sửa chữa máy móc, thiết bị <i>Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng cơ khí</i>	3312
20	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật <i>Chi tiết: Thử nghiệm, hiệu chỉnh, điều khiển, tự động hóa thuộc dây chuyền sản xuất điện, thử nghiệm điện; Kiểm định, kiểm định an toàn các thiết bị, dụng cụ điện, hệ thống đo lường, đo đếm về điện, nhiệt, áp lực</i>	7120
21	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan <i>Chi tiết: Tư vấn quản lý dự án, tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn đấu thầu, lập dự toán; tư vấn thẩm tra và giám sát thi công công trình nguồn điện và công trình lưới điện đồng bộ các dự án nguồn điện; Tư vấn hoạt động chuẩn bị sản xuất cho các nhà máy điện; tư vấn quản lý dự án; tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng các công trình; tư vấn đấu thầu, lập dự toán và giám sát thi công công trình viễn thông - công nghệ thông tin, công trình dân dụng - công nghiệp;</i>	7110
22	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện (Doanh nghiệp chỉ được phép hoạt động khi được sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện)</i>	8559
23	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác <i>Chi tiết: Thi công xây lắp các công trình xây dựng bao gồm: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng</i>	4299
24	Xây dựng nhà ở	4101
25	Xây dựng công trình điện <i>(Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền Nhà nước, không hoạt động thương mại theo ND 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)</i>	4221
26	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy <i>Chi tiết: Quản lý, vận hành, sửa chữa và khai thác cảng biển (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).</i>	5222

27	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá <i>(Trừ sản xuất và lắp ráp điều hòa không khí gia dụng (điều hòa không khí có công suất từ 48.000 BTU trở xuống) sử dụng ga lạnh R22)</i>	3530
----	---	------

1.2 Quá trình hình thành, phát triển

Tổng Công ty Phát điện 3 được thành lập theo Quyết định số 3025/QĐ-BCT ngày 01/06/2012 của Bộ Công Thương trên cơ sở sắp xếp lại Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ, các công ty phát điện hạch toán phụ thuộc, các ban quản lý dự án nguồn điện và tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại một số công ty phát điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam đang hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Thực hiện Quyết định số 9494/QĐ-BCT ngày 22/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 3, Tổng Công ty thực hiện các thủ tục và chuyển sang hoạt động theo mô hình CTCP từ ngày 27/9/2018.

Hiện tại, Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP đang hoạt động theo Giấy CNĐKDN số 3502208399, đăng ký lần đầu ngày 26/11/2012, sửa đổi lần thứ 9 ngày 05/10/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp. Các dấu mốc quan trọng trong quá trình phát triển của Tổng Công ty Phát điện 3 như sau:

- Năm 2013: Tổng Công ty Phát điện 3 chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/01/2013; (1) Thành lập Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân, (2) Ban QLDA Nhiệt điện Thái Bình;
- Năm 2014: Bàn giao Ban QLDA Thủy điện 1 và Công ty Thủy điện Huội Quảng - Bàn Chát về lại EVN;
- Năm 2015: Thành lập Công ty Nhiệt điện Mông Dương (kiêm Ban QLDA Nhiệt điện 1); tiếp nhận Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức từ EVNGENCO2; chuyển chủ đầu tư dự án Vĩnh Tân 4 về lại EVN từ ngày 01/05/2015;
- Năm 2016: Thành lập (1) Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện EVNGENCO3, (2) Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ;
- Năm 2017: Thành lập Công ty Nhiệt điện Thái Bình (kiêm Ban QLDA Nhiệt điện Thái Bình);
- Năm 2018: Tổng Công ty chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Thực hiện IPO và đăng ký giao dịch cổ phiếu PGV trên UPCOM từ ngày 21/3/2018.
- Năm 2019: Chuyển trụ sở Tổng Công ty từ tỉnh BR-VT đến TP. Hồ Chí Minh.

1.3 Quá trình tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty

Từ khi hoạt động theo mô hình công ty cổ phần tới thời điểm hiện nay, Tổng Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu (tỷ lệ 5%, thời điểm thực hiện: tháng 7/2021), vốn điều lệ của Tổng Công ty tăng tương ứng.

Bảng 1: Tóm tắt quá trình tăng vốn của Tổng Công ty

STT	Thời gian	Vốn thực góp trước khi tăng (đồng)	Vốn thực góp sau khi tăng (đồng)	Hình thức phát hành
1	Tháng 07/2021	10.699.695.770.000	11.234.680.460.000	Phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2020, với tỷ lệ phát hành là 5%.

 Cơ sở pháp lý:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 52/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/05/2021 của Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP;
- Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 61/NQ - HĐQT ngày 11/6/2021 về việc thông qua việc triển khai phương án chi trả cổ tức năm 2020 của Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP;
- Báo cáo số 2242/GENCO3-KH ngày 06/8/2021 về việc kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP;
- Công văn số 4788/UBCK-QLCB ngày 23/8/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của PGV;
- Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 13/2019/GCNCP-VSD-1 ngày 31/8/2021 của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam về việc đăng ký bổ sung chứng khoán.
- Quyết định số 470/QĐ-SGDHN ngày 10/9/2021 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận thay đổi đăng ký giao dịch cổ phiếu Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.

 Thông tin đợt phát hành:

- Vốn thực góp trước khi phát hành: 10.699.695.770.000 đồng.
- Vốn thực góp sau khi phát hành: 11.234.680.460.000 đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức;
- Tổng số cổ phần phát hành thêm: 53.498.469 cổ phiếu;
- Tổng giá trị cổ phần phát hành thêm theo mệnh giá (phát hành cổ phiếu theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần): 534.984.690.000 đồng;
- Nguồn vốn thực hiện: Từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến 31/12/2020 trên Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020 của Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP;
- Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phần phát hành/số lượng cổ phần đang lưu hành): 5%; Tỷ lệ thực hiện quyền: 100:5 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 100 cổ phần sẽ được nhận thêm 5 cổ phần phát hành thêm);
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách sở hữu cổ phần PGV do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp tại ngày chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu.

2. Cơ cấu tổ chức Tổng Công ty

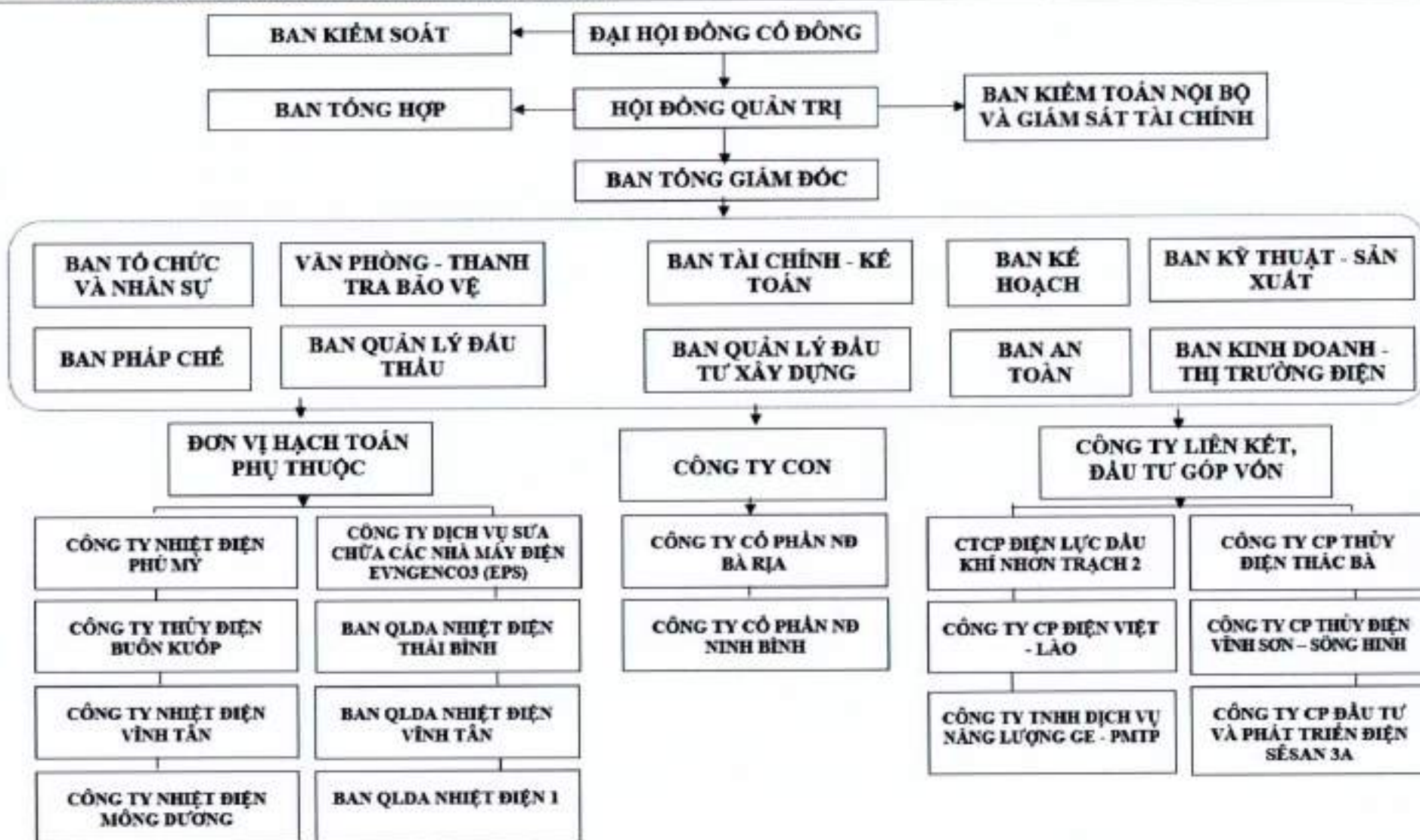
Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần (Mã chứng khoán: PGV), là doanh nghiệp được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con, có tư cách pháp nhân, được chuyển đổi từ công ty TNHH MTV do Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) sở hữu 100% vốn điều lệ sang công ty cổ phần do EVN nắm giữ cổ phần chi phối (EVN sở hữu 99,19%).

Tổng Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, có con dấu, biểu tượng, điều lệ tổ chức và hoạt động, có chi nhánh, văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật, được mở tài khoản tại các ngân hàng; trực tiếp thực hiện các hoạt động sản xuất - kinh doanh và đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết.

Cơ cấu tổ chức của EVNGENCO3 gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội Đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, và bộ máy tham mưu, cụ thể như sau:

- Ban Lãnh đạo gồm: Chủ tịch HĐQT, 04 thành viên HĐQT; Tổng Giám đốc, 04 Phó Tổng Giám đốc phụ trách các lĩnh vực: Sửa chữa & Công nghệ, Kinh doanh - Thị trường điện, Kinh tế - Tài chính, Đầu tư - Xây dựng.
- 12 ban chức năng, gồm: Ban Tổ chức & Nhân sự; Văn phòng - Thanh tra Bảo vệ; Ban Pháp chế; Ban Tài chính - Kế toán; Ban Kế hoạch; Ban Kỹ thuật - Sản xuất; Ban Quản lý Đấu thầu; Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng, Ban Kinh doanh - Thị trường điện; Ban An toàn; Ban Tổng hợp; Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính;
- 08 đơn vị hạch toán phụ thuộc, 02 công ty con và 06 công ty liên kết, góp vốn.

Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được thể hiện theo sơ đồ 1 dưới đây:



Nguồn: EVNGENCO3

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Tổng Công ty

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua. Các hoạt động của Tổng Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Luật khác có liên quan và Điều lệ Tổng Công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

Cơ cấu bộ máy quản lý của Tổng Công ty được thể hiện theo sơ đồ 2 dưới đây:



Nguồn: EVNGENCO3

a. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ Tổng Công ty quy định, trong đó có quyền bầu, bãi miễn thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát hoặc các chức danh khác thuộc thẩm quyền quản lý của Đại hội đồng cổ đông.

Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông:

- Thông qua định hướng phát triển của EVNGENCO3;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của EVNGENCO3 được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất của EVNGENCO3 đã được kiểm toán;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ EVNGENCO3;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành, đã bán của mỗi loại;
- Xem xét, xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho EVNGENCO3 và cổ đông của EVNGENCO3;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể EVNGENCO3 và chỉ định người thanh lý;
- Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;

- Phê duyệt Quy chế Quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
- Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của EVNGENCO3, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

b. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý EVNGENCO3, có toàn quyền nhân danh EVNGENCO3 để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của EVNGENCO3, trừ những thẩm quyền thuộc Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng Quản trị có từ 03 đến 11 thành viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo từng kỳ Đại hội. Số lượng thành viên HĐQT hiện nay là 05 người.

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của EVNGENCO3;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
- Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác theo quy định tại Quy chế quản lý nội bộ của EVNGENCO3; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của EVNGENCO3;
- Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Quy chế nội bộ về Quản trị EVNGENCO3 sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của EVNGENCO3, quyết định thành lập, cơ cấu tổ chức quản lý, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể, phá sản công ty con do EVNGENCO3 sở hữu 100% vốn điều lệ, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc của EVNGENCO3 và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Quyết định thành lập các tiểu ban Hội đồng Quản trị; Quy định chức năng, nhiệm vụ của các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị;
- Phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế quản lý tài chính và quy chế hoạt động của Kiểm soát viên tại công ty con do EVNGENCO3 nắm giữ 100% vốn điều lệ; phê

duyet Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc EVNGENCO3;

- Quyết định bổ sung ngành, nghề kinh doanh cho các công ty con do EVNGENCO3 nắm giữ 100% vốn điều lệ; bổ sung ngành, nghề kinh doanh hoặc chức năng, nhiệm vụ cho các đơn vị trực thuộc EVNGENCO3;
- Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định giải pháp thị trường, tiếp thị và phát triển công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của EVNGENCO3 trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- Quyết định số lượng, hình thức, nội dung và mẫu con dấu, việc quản lý và sử dụng con dấu của EVNGENCO3 và của các đơn vị trực thuộc EVNGENCO3 theo quy định;
- Giải quyết các khiếu nại của EVNGENCO3 đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của EVNGENCO3 để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;
- Kiến nghị các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
- Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, phá sản EVNGENCO3;
- Báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên về Quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị và các nội dung sau:
 - + Lương, thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
 - + Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và các quyết định của Hội đồng Quản trị; kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị về hoạt động của Hội đồng Quản trị (nếu có);
 - + Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác;
 - + Các kế hoạch trong tương lai.
- Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị;
- Công khai thông tin, các lợi ích liên quan theo quy định của pháp luật;
- Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo Quản trị EVNGENCO3 lên Đại hội đồng cổ đông;

- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Quy chế nội bộ về Quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Quy chế về công bố thông tin của EVNGENCO3;
- Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật (nếu có).

c. Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, Quản trị nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông; Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính toàn EVNGENCO3. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Bộ máy quản lý.

Số lượng thành viên Ban Kiểm soát hiện nay gồm 03 người.

Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ EVNGENCO3, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- Giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng Công ty;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm và 6 tháng của Tổng Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên ĐHĐCĐ; Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty;
- Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông;
- Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;

- Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty thì phải thông báo bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của EVNGENCO3;
- Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của EVNGENCO3 để thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ EVNGENCO3 và nghị quyết của ĐHĐCĐ.

d. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của EVNGENCO3 theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này và Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

Giúp việc cho Tổng Giám đốc có 04 Phó Tổng Giám đốc - tham mưu giúp việc cho Tổng Giám đốc trong các hoạt động quản lý, điều hành Tổng Công ty theo các lĩnh vực được phân công phụ trách, bao gồm:

- Phó Tổng Giám đốc Sửa chữa & Công nghệ;
- Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh - Thị trường điện;
- Phó Tổng Giám đốc Kinh tế - Tài chính;
- Phó Tổng Giám đốc Đầu tư - Xây Dựng.

e. Các phòng ban, đơn vị trong Tổng Công ty

Các Ban chức năng chuyên môn bao gồm 12 ban:

- Văn phòng TTBV: Tham mưu giúp HĐQT, Tổng Giám đốc quản lý, chỉ đạo, điều hành các lĩnh vực công tác: hành chính, Quản trị, văn thư và lưu trữ; quan hệ cộng đồng; quan hệ hợp tác quốc tế; thông tin truyền thông, y tế; thi đua khen thưởng, tuyên truyền, quảng bá thương hiệu; thanh tra, kiểm tra; xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo; công tác phòng chống tham nhũng; công tác bảo vệ; công tác quốc phòng.
- Ban Tổ chức và Nhân sự: Tham mưu giúp HĐQT, Tổng Giám đốc quản lý, chỉ đạo, điều hành công tác tổ chức bộ máy, cán bộ, đào tạo phát triển nguồn nhân lực, lao động, tiền lương, văn hóa doanh nghiệp.
- Ban Pháp chế: Tham mưu giúp HĐQT, Tổng Giám đốc quản lý, điều hành công tác pháp chế và các công tác liên quan đến những vấn đề pháp lý

liên quan đến tổ chức, quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh của EVNGENCO3.

- Ban Tài chính Kế toán: Tham mưu giúp HĐQT, Tổng Giám đốc quản lý, chỉ đạo, điều hành công tác kinh tế tài chính và hạch toán kế toán; thu xếp vốn; quản lý đầu tư vốn của EVNGENCO3.
- Ban Kế hoạch: Tham mưu giúp HĐQT, Tổng Giám đốc quản lý, chỉ đạo, điều hành công tác thực hiện kế hoạch hàng năm, trung hạn, dài hạn, quy hoạch và chiến lược phát triển; mua sắm nhiên liệu, vật tư thiết bị; công tác sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng, công tác quan hệ, hợp tác với đối tác nước ngoài, trong nước, các tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính nước ngoài trong việc thu xếp nguồn vốn; công tác quan hệ nhà đầu tư.
- Ban Kỹ thuật Sản xuất: Tham mưu giúp HĐQT, Tổng Giám đốc quản lý, điều hành công tác quản lý kỹ thuật sản xuất, vận hành, sửa chữa nguồn điện; đào tạo nội bộ và đào tạo chuyên sâu; nghiên cứu khoa học và công nghệ; quản lý chất lượng.
- Ban An toàn: Tham mưu giúp HĐQT, Tổng Giám đốc quản lý công tác an toàn vệ sinh lao động (AT-VSLĐ); phòng chống cháy nổ (PCCN), phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (PCTT&TKCN), công tác bảo vệ môi trường; quản lý hóa nghiệm, đánh giá rủi ro.
- Ban Quản lý Đấu thầu: Tham mưu giúp HĐQT, Tổng Giám đốc quản lý, chỉ đạo, điều hành công tác quản lý đấu thầu trong lĩnh vực đầu tư dự án mới; đấu thầu mua sắm các dự án nguồn điện.
- Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng: Tham mưu giúp HĐQT, Tổng Giám đốc quản lý, điều hành công tác đầu tư xây dựng, đề xuất điều chỉnh, bổ sung quy hoạch các dự án đầu tư, tổ chức lập dự án đầu tư, thiết kế, dự toán đầu tư xây dựng và cải tạo, nâng cấp các công trình; quản lý tiến độ, chất lượng xây dựng các dự án đầu tư.
- Ban Kinh doanh Thị trường điện: Tham mưu giúp HĐQT, Tổng Giám đốc quản lý, chỉ đạo, điều hành công tác tham gia thị trường điện, các hoạt động bán điện; kinh doanh; công tác công nghệ thông tin; mua sắm liên quan đến lĩnh vực công nghệ thông tin.
- Ban Tổng hợp: Thực hiện chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT trong chỉ đạo, quản lý các nội dung công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính: Thực hiện chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT trong công tác kiểm toán nội bộ và giám sát tài chính của EVNGENCO3

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ Tổng Công ty, danh sách cổ đông sáng lập, danh sách cổ đông hạn chế chuyển nhượng và cơ cấu cổ đông

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ

Tính đến thời điểm 17/9/2021, danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Tổng Công ty như sau:

TT	Tên cổ đông	Số CMND/ GĐKDN	Địa chỉ	Cổ phần nắm giữ	
				Số cổ phần	Tỷ lệ/VDL (%)
1	Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN)	0100100079	Số 11 phố Cửa Bắc, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Hà Nội	1.114.422.994	99,19%
Tổng cộng:				1.114.422.994	99,19%

Nguồn: Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán do VSD cung cấp

4.2 Danh sách cổ đông sáng lập: Tổng Công ty không có cổ đông sáng lập.

4.3 Cơ cấu cổ đông

Tính đến thời điểm 17/9/2021, cơ cấu vốn điều lệ của Tổng Công ty như sau:

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tổng giá trị cổ phần theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	2.204	1.123.285.371	11.232.853.710.000	99,98
1.1	Cổ đông tổ chức	3	1.115.504.499	11.155.044.990.000	99,29
1.2	Cổ đông cá nhân	2.201	7.780.872	77.808.720.000	0,69
2	Cổ đông ngoài nước	20	182.675	1.826.750.000	0,02
2.1	Cổ đông tổ chức	2	144.885	1.448.850.000	0,01
2.2	Cổ đông cá nhân	18	37.790	377.900.000	0,003
Tổng cộng		2.224	1.123.468.046	11.234.680.460.000	100,00

Nguồn: Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán do VSD cung cấp

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền Kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những

công ty nắm quyền Kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết

Công ty mẹ, công ty nắm quyền Kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Cổ phần nắm giữ	
			Số cổ phần	Tỷ lệ/VĐL (%)
1	Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN)	Số 11 phố Cửa Bắc, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Hà Nội	1.114.422.994	99,19%
Tổng cộng:			1.114.422.994	99,19%

Nguồn: Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán do VSD cung cấp

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc tại ngày 30/9/2021

TT	Tên công ty	Công suất (MW)	Hoạt động
1	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	2.540	Quản lý vận hành 04 nhà máy nhiệt điện: Phú Mỹ 1, Phú Mỹ 4, Phú Mỹ 2.1 và Phú Mỹ 2.1 Mở rộng
2	Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	586	Quản lý vận hành 3 NMTĐ: Buôn Kuốp, Buôn Tua Srah, Srêpók 3
3	Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân	1.279	Quản lý vận hành NMNĐ Vĩnh Tân 2, NMĐ mặt trời Vĩnh Tân 2
4	Công ty Nhiệt điện Mông Dương	1.080	Quản lý vận hành NMNĐ Mông Dương 1
5	Công ty Dịch vụ sửa chữa các Nhà máy điện EVNGENCO3	-	Thực hiện công tác sửa chữa cho các nhà máy điện của EVNGENCO3 và cung cấp dịch vụ sửa chữa cho các nhà máy điện, nhà máy công nghiệp khác



6	Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân	-	QLDA NMNĐ Vĩnh Tân 2, cơ sở hạ tầng của Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân, Cảng Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân, NMNĐ mặt trời Vĩnh Tân 2; là đại diện của Tư vấn QLDA (EVNGENCO3) để thực hiện QLDA NMNĐ Vĩnh Tân 4 và Vĩnh Tân 4 mở rộng cho chủ đầu tư (EVN)
7	Ban QLDA Nhiệt điện 1	-	QLDA NMNĐ Mông Dương 1
8	Ban QLDA Nhiệt điện Thái Bình	-	QLDA NMNĐ Thái Bình

Nguồn: EVNGENCO3

Các công ty con tại ngày 30/9/2021

TT	Tên	Công suất (MW)	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Vốn góp của EVNGENCO3 (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của EVNGENCO3 (%)	Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu	Doanh thu thuần (tỷ đồng)			Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)		
							2019	2020	Lũy kế Quý 3/2021	2019	2020	Lũy kế Quý 3/2021
1	CTCP NĐ Bà Rịa	390	604,86	481,24	79,56	Sản xuất điện năng	1.895	750	720	182	81	41
2	CTCP NĐ Ninh Bình	100	128,66	70,45	54,76	Sản xuất điện năng	1.192	1.038	650	20	28	25

Nguồn: EVNGENCO3



 **Công ty liên kết, đầu tư góp vốn tại ngày 30/9/2021:**

T T	Tên	Công suất (MW)	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Vốn góp của EVNGENCO3 (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của EVNGENCO3 (%)	Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu
1	CTCP TD Vĩnh Sơn - Sông Hinh	356	2.362,41	608,72	30,55	Sản xuất điện năng
2	CTCP TD Thác Bà	120	635,00	190,50	30,00	Sản xuất điện năng
3	CTCP Đầu tư & Phát triển điện Sê San 3A	108	280,00	84,00	30,00	Sản xuất điện năng
4	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	750	2.878,76	68,48	2,47	Sản xuất điện năng
5	Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE PMTP		501,70	74,46	15,00	Sửa chữa, phục hồi thiết bị tuabin khí
6	CTCP Điện Việt Lào	651	3.126,53	19,60	0,63	Sản xuất điện năng

Nguồn: EVNGENCO3

6. Hoạt động kinh doanh

EVNGENCO3 là nhà sản xuất điện quy mô lớn của Việt Nam với tổng công suất đến ngày 31/12/2020 xấp xỉ 6.559 MW với nhiều loại hình phát điện (Nhiệt điện khí, Nhiệt điện than, Thủy điện, Điện mặt trời).

Sản lượng điện bình quân hằng năm của Công ty mẹ giai đoạn 2016 - 2020 giữ ổn định ở mức khoảng 31 tỷ kW/h.

Khởi đầu từ cụm các Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ, sau hơn 20 năm hình thành và phát triển, EVNGENCO3 hiện nay đang vận hành các nhà máy điện công suất lớn khác trong Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân, Mông Dương và cụm 03 nhà máy thủy điện công suất 586 MW khai thác dòng sông Sêrêpôk.

6.1 Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính

 **Các nhà máy nhiệt điện khí:**

➤ **Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ**

- Tổng công suất: 2.540 MW.
- Hoạt động: Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ đang quản lý và vận hành 4 nhà máy nhiệt điện được xây dựng và đưa vào hoạt động chính thức từ năm 1998 - 2004 tại Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Các nhà máy sử dụng công nghệ Turbin khí chu trình hỗn hợp công nghệ hiện đại, nhiên liệu sử dụng chính là nguồn khí tự nhiên từ các mỏ Nam Côn Sơn, Hải Thạch - Mộc Tinh, Thiên Ưng - Đại Hùng, Sao Vàng - Đại Nguyệt.
- Với tổng công suất 2.540 MW, Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ đóng góp 46% vào tổng sản lượng điện sản xuất của Tổng Công ty. Đặc biệt, tính đến cuối năm 2020 tổng sản lượng điện Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ phát lên hệ thống điện Quốc gia đạt 300 tỷ kWh, đây là nhà máy điện đầu tiên của Việt Nam đạt con số sản lượng này.
- Cụ thể các nhà máy điện thuộc Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ bao gồm:

- **Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 1**

Là nhà máy có công suất lớn nhất trong các nhà máy điện của Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ với công suất 1.090 MW, được đưa vào vận hành thương mại năm 2002. Sử dụng công nghệ và thiết bị của Mitsubishi Heavy Industries Group (Nhật Bản) cấu hình 3 -3 -1, Tuabin khí loại M701F.

- **Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 2.1**

Sử dụng công nghệ và thiết bị của Alstom (Thụy Sĩ) nay là GE, cấu hình 2-2-1, được đưa vào vận hành thương mại chu trình đơn vào năm 1997 và chu trình hỗn hợp vào năm 2003 với công suất lắp đặt 450 MW, đến năm 2016. Tuabin khí đã được nâng cấp lên loại GT13E2 MXL2, nâng tổng công suất nhà máy lên 478 MW. Và đây cũng là nhà máy đầu tiên của Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ dự kiến hết khấu hao vào năm 2023.

- **Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 2.1 mở rộng**

Sử dụng công nghệ và thiết bị của Siemen (Đức) cấu hình 2-2-1, Tuabin khí loại V94.2, được đưa vào vận hành thương mại chu trình đơn vào năm 1999 và chu trình hỗn hợp vào năm 2006 với công suất lắp đặt 440MW.

- **Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 4**

Sử dụng công nghệ và thiết bị của Alstom (Thụy Sĩ), nay là GE, cấu hình 2-2-1, hoàn tất đưa vào vận hành thương mại năm 2004 với công suất lắp đặt 450MW. Đến năm 2015 Tuabin khí đã được nâng cấp lên loại GT13E2 MXL2, nâng tổng công suất nhà máy lên 478 MW.

Trong giai đoạn 2015-2020, các nhà máy điện Phú Mỹ vận hành ổn định, tin cậy và hàng năm đóng góp sản lượng điện phát bình quân hơn 15,75 tỷ kWh, chiếm hơn 40% tổng sản lượng điện hàng năm của Tổng Công ty.



Các nhà máy nhiệt điện than:

➤ Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân

- Tổng Công suất: 1.279MW.
- Hoạt động: Quản lý và vận hành Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 và Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Tân 2 trong Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân, tỉnh Bình Thuận.

▪ Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 2:

Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 được hoàn thành và đưa vào vận hành thương mại từ đầu năm 2015 với tổng công suất lắp đặt 1.244 MW. Nhà máy sử dụng nguyên liệu chính là than cám 6a.1 trong nước và than nhập khẩu. Tính đến năm 2020, Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 đã phát lên hệ thống điện Quốc gia 40 tỷ KWh.

Hoạt động quản lý môi trường tại Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 đặc biệt được Tổng Công ty chú trọng. Đảm bảo quản lý và xử lý tro, xỉ được kiểm soát tốt, đảm bảo môi trường. Bãi xỉ các nhà máy đảm bảo ổn định, an toàn. Hoàn thành lắp đặt thiết bị quan trắc môi trường online, camera giám sát và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương. Tính đến năm 2020 tổng sản lượng tro xỉ đã tiêu thụ đạt 55% (đạt mục tiêu Tổng Công ty đề ra từ đầu năm). Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân tiếp tục đẩy mạnh thực hiện đề án để tiêu thụ tro xỉ thông qua các giải pháp như: Thực hiện dự án san lấp Hang Cò với khối lượng khoảng 400.000 tấn; khai thác tạm thời cảng dầu 1.000 tấn thuộc bến cảng NMND Vĩnh Tân 2 tiếp nhận tàu vận chuyển tro xỉ, tìm kiếm và hợp tác với các đối tác có khả năng tiêu thụ tro, xỉ khối lượng lớn, ổn định và lâu dài.



Nhà máy Điện mặt trời

➤ Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Tân 2 (42,65 MWp)

Nhà máy được xây dựng tại khu vực phía Tây Bãi xi của NMND Vĩnh Tân 2, với diện tích 49,2 ha thuộc xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Đầu ra nguồn điện của Nhà máy được đấu nối lên lưới điện 110 kV thông qua trạm biến áp 22/110kV để kết nối vào đường dây mạch kép 110kV Tuy Phong (Bình Thuận) - Ninh Phước (Ninh Thuận). Hàng năm, Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Tân 2 cung cấp cho Hệ thống điện quốc gia khoảng **68,4 triệu kWh**.



➤ Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 1 (1.080 MW):

- Tổng công suất: 1.080 MW.
- Hoạt động:

Công ty Nhiệt điện Mông Dương thành lập năm 2015 quản lý và vận hành Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1 với tổng công suất 1.080 MW trong Trung tâm Điện lực Mông Dương, tỉnh Quảng Ninh. Nguồn nhiên liệu Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương sử dụng là than cám 6a.1 và than pha trộn.

Với vị trí địa lý ở khu vực miền Bắc Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1 góp phần quan trọng trong việc đảm bảo an ninh năng lượng khu vực Bắc Bộ.

Hoạt động quản lý môi trường tại Công ty Nhiệt điện Mông Dương được chú trọng, đảm bảo các tiêu chuẩn môi trường theo quy định của pháp luật. Năm 2020, cùng với các NMNĐ Vĩnh Tân 2, NMNĐ Mông Dương 1 đã hoàn thành lắp đặt bảng điện tử hiển thị số liệu quan trắc môi trường online để công khai, minh bạch hóa thông tin về công tác quản lý môi trường đến cộng đồng; đã được cấp giấy chứng



nhận hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn TCVN ISO 14001:2015. Tính đến năm 2020, lượng tro xỉ tiêu thụ tại Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1 đạt 100%.

Các nhà máy thủy điện:

Công ty Thủy điện Buôn Kuốp

- Hoạt động: Quản lý và vận hành 03 nhà máy Thủy điện với tổng công suất 586 MW trên lưu vực sông Srêpôk, khu vực Tây Nguyên.



- Cụ thể các nhà máy điện thuộc Công ty Thủy điện Buôn Kuốp bao gồm:
 - **Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp:** Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp vận hành thương mại năm 2009 với công suất 280 MW.
 - **Nhà máy Thủy Điện Buôn Tua Srah:** Nhà máy Thủy điện Buôn Tua Srah vận hành thương mại năm 2010 với công suất 86 MW.
 - **Nhà máy Thủy điện Srêpôk 3:** Nhà máy Thủy điện Srêpôk 3 vận hành thương mại năm 2010 với công suất 220 MW.

Cụm Nhà máy Thủy điện thuộc Công ty Thủy điện Buôn Kuốp có công suất thuộc top 3

tổng công suất lắp đặt lớn nhất tại khu vực Miền Trung, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng điện ở khu vực miền Trung Tây Nguyên và khu vực Đông Nam Bộ. Đồng thời các Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp còn đóng vai trò quan trọng trong hoạt động điều tiết lũ, hạn hán cho khu vực hạ lưu lưu vực sông Srêpôk.

Công tác sản xuất điện

Trong giai đoạn 2019 - 2020, sản lượng điện sản xuất của EVNGENCO3 ổn định, các dự án đầu tư nguồn điện mới của EVNGENCO3 đã hoàn thành và đi vào hoạt động góp phần đảm bảo cung ứng đủ điện cho phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là góp phần đảm bảo cung cấp điện cho Miền Nam.

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, nhu cầu phụ tải hệ thống điện giảm thấp, đặc biệt phụ tải khu vực miền Nam. Do vậy, các NMNĐ của EVNGENCO3 được huy động vận hành thấp đã ảnh hưởng đến công tác sản xuất điện của Tổng Công ty.

Tổng sản lượng điện sản xuất của EVNGENCO3 trong giai đoạn từ năm 2019 đến hết tháng 9/2021 đạt **90,440 tỷ kWh**, sản lượng điện bình quân trong 2 năm 2019-2020 đạt **33,939 tỷ kWh/năm**, cụ thể:

Bảng 2: Sản lượng điện sản xuất giai đoạn 2019 - 2021

Đơn vị tính: triệu kWh

Năm	2019	2020	9 tháng đầu năm 2021
Tổng Sản lượng điện	34.625	33.253	22.562
Công ty mẹ	31.941	31.102	20.088
Nhiệt điện Phú Mỹ	15.280	13.846	8.116
Thủy điện Buôn Kuốp	2.408	2.713	1.477
Nhiệt điện Vĩnh Tân 2	7.184	7.771	5.593
Nhiệt điện Mông Dương 1	7.050	6.725	4.858
Điện mặt trời Vĩnh Tân 2	19,24	47,73	42,99
Công ty con	1.486	830	803
Nhiệt điện Bà Rịa	841	277	461
Nhiệt điện Ninh Bình	645	553	342
Công ty liên kết	1.198	1.321	1.671
Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	494	566	1.101
Thủy điện Thác Bà	320	389	288
Thủy điện Sê San 3A	384	366	282

Nguồn: EVNGENCO3

Bảng 3: Công suất lắp đặt các nhà máy điện trong EVNGENCO3
(tại thời điểm 30/09/2021)

Nhà máy điện	Loại hình	Hình thức sở hữu	Tỷ lệ sở hữu của EVNGENCO3	Công suất lắp đặt (MW)	Thời gian đưa vào vận hành
Các NMD Phú Mỹ	Tuabin khí	Trực thuộc	100%	2.540	1997-2005
NMND Vĩnh Tân 2	NĐ than	Trực thuộc	100%	1.244	2015
NM ĐMT Vĩnh Tân 2	Điện mặt trời	Trực thuộc	100%	42,65 MWp ~ 35 MW	2019
NMND Mông Dương 1	NĐ than	Trực thuộc	100%	1.080	2015
Các NMTD Buôn Kuốp	Thủy điện	Trực thuộc	100%	586	2009
NMND Bà Rịa	TBK	Công ty con	79,56%	389	1992-2002
NMND Ninh Bình	NĐ than	Công ty con	54,76%	100	1974-1976
NMTĐ Thác Bà	Thủy điện	Công ty liên kết	30%	120	1971-1975
NMTĐ Vĩnh Sơn - Sông Hinh & Thượng Kon Tum	Thủy điện	Công ty liên kết	30,55%	356	NMTĐ Vĩnh Sơn - Sông Hinh: 1994 NMTĐ Thượng Kon Tum: 2021
NMTĐ Sê San 3A	Thủy điện	Công ty liên kết	30%	108	2006

Nguồn: EVNGENCO3

Cơ cấu doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chi tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Lũy kế đến Quý III/2021	
		Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
I	Công ty mẹ						
1	Doanh thu thuần về SXKD điện	40.699,53	99,06%	38.118,54	98,80%	26.758,42	99,01%
2	Doanh thu về cung cấp sản phẩm và dịch vụ khác	385,52	0,94%	462,42	1,20%	268,50	0,99%
	Tổng cộng	41.085,05	100%	38.580,96	100%	27.026,92	100%
II	Hợp nhất						
1	Doanh thu thuần về SXKD điện	43.774,52	99,11%	39.895,45	98,83%	28.123,73	99,04%
2	Doanh thu về cung cấp sản phẩm và dịch vụ khác	392,90	0,89%	471,76	1,17%	273,44	0,96%
	Tổng cộng	44.167,42	100%	40.367,21	100%	28.397,17	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2020 và BCTC Quý III năm 2021 của EVNGENCO3

Trong cơ cấu tổng doanh thu của EVNGENCO3 hợp nhất và công ty mẹ, doanh thu sản xuất kinh doanh điện chiếm tỷ trọng lớn, khoảng 99% trên tổng doanh thu.

Doanh thu từ hoạt động bán điện của Tổng Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi hai yếu tố là sản lượng điện bán và giá bán điện. Giá bán điện của các nhà máy theo quy định tại các hợp đồng mua bán điện, trong đó, giá bán điện của các nhà máy nhiệt điện phụ thuộc nhiều vào chi phí nhiên liệu đầu vào (nhiên liệu khí đối với các nhà máy nhiệt điện khí và nhiên liệu than đối với các nhà máy nhiệt điện than). Ngoài ra, phần lớn các nhà máy hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty đều tham gia chào giá trực tiếp trên thị trường điện nên sự biến động của giá thị trường điện cũng ảnh hưởng đến doanh thu bán điện của Tổng Công ty.

 Cơ cấu lợi nhuận gộp

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chi tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Lũy kế đến Quý III/2021	
		Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
I	Công ty mẹ						
1	SXKD điện	4.739,29	11,54%	4.555,58	11,81%	2.863,32	10,59%
2	Sản xuất và dịch vụ khác	70,44	0,17%	43,11	0,11%	56,13	0,21%
	Tổng cộng	4.809,73	11,71%	4.598,69	11,92%	2.919,45	10,80%
II	Hợp nhất						
1	SXKD điện	4.987,82	11,29%	4.712,69	11,67%	2.890,66	10,18%
2	Sản xuất và dịch vụ khác	74,03	0,17%	47,54	0,12%	57,42	0,20%
	Tổng cộng	5.061,85	11,46%	4.760,23	11,79%	2.948,08	10,38%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2020 và BCTC Quý III năm 2021 của EVNGENCO3

Tương tự doanh thu thuần, lợi nhuận gộp từ SXKD điện chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu lợi nhuận gộp hàng năm của Tổng Công ty, Lợi nhuận gộp từ sản xuất và dịch vụ khác chiếm tỷ trọng không đáng kể.

Tỷ suất lợi nhuận gộp SXKD điện của Tổng công ty trong các năm qua duy trì ở mức 11% doanh thu thuần.

6.2 Nhiên liệu

Nhiên liệu cho các nhà máy điện khí

Các nhà máy điện Phú Mỹ sử dụng nhiên liệu khí là nhiên liệu chính, dầu DO là nhiên liệu dự phòng. Các Nhà máy điện Phú Mỹ tiêu thụ khí đốt từ các nguồn: khí Nam Côn Sơn, Hải Thạch - Mộc Tinh, Thiên Ưng - Đại Hùng, Sao Vàng - Đại Nguyệt.

Theo quy hoạch phát triển ngành công nghiệp khí Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2035, một số mỏ khí mới và cơ sở hạ tầng nguồn khí thiên nhiên hóa lỏng LNG nhập khẩu sẽ được đầu tư để bù đắp lượng khí suy hao nhằm tiếp tục cấp khí cho các nhà máy điện Phú Mỹ của EVNGENCO3 nói riêng và các nhà máy điện miền Đông Nam Bộ nói chung. Bên cạnh đó, EVNGENCO3 cũng đang triển khai chương trình chủ động mua sắm nguồn LNG nhập khẩu để đảm bảo cho hoạt động sản xuất điện của các NMNĐ Phú Mỹ trong thời gian tới.

Nhiên liệu cho các nhà máy điện than

Nhiên liệu chính dùng trong sản xuất nhiệt điện than là than cám sản xuất trong nước, than nhập khẩu và dầu DO dùng để khởi động và đốt kèm khi tải thấp.

Trong những năm gần đây, nhu cầu than cả nước có sự tăng lên đáng kể, từ mức 10 triệu tấn ở năm 2002 đã tăng hơn 4,2 lần, lên mức tiêu thụ 42 triệu tấn vào năm 2021, trong đó ngành sản xuất điện chiếm tỷ trọng rất lớn.

Kể từ năm 2019, nguồn than khai thác trong nước không đáp ứng đủ cho nhu cầu sản xuất điện, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Tổng Công ty Đông Bắc (hai đơn vị cấp than chủ lực cho các NMĐ) đã phải nhập khẩu than để phối trộn với than trong nước trước khi cung cấp cho các NMĐ. Bên cạnh đó, một số NMĐ mới được thiết kế sử dụng hoàn toàn bằng nguồn than nhập khẩu. Một số NMĐ trước đây được thiết kế sử dụng than trong nước cũng được chủ sở hữu triển khai nhập khẩu một phần khối lượng than để chủ động trong sản xuất điện với khối lượng ngày càng nhiều bên cạnh khối lượng mua từ nguồn trong nước. Tuy nhiên, việc mua than nhập khẩu sẽ có thách thức do giá than biến thiên theo chỉ số giá của thị trường. Đối với nguồn than trong nước cũng gặp phải rủi ro tăng giá trong tương lai do việc khai thác ngày càng khó khăn hơn.

Nguồn nhiên liệu của EVNGENCO3 chịu ảnh hưởng bởi các nhân tố sau

Các biến động của nguồn nhiên liệu đều ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh thu và lợi nhuận của EVNGENCO3, bao gồm:

- Biến động giá dầu và giá than trên thế giới;
- Biến động của tỷ giá ngoại tệ;
- Ảnh hưởng của thiên tai (bão lụt, hạn hán, cháy rừng...).

6.3 Chi phí sản xuất

Cơ cấu chi phí trong giá thành

Các chi phí chủ yếu và cơ cấu chi phí trong giá thành của EVNGENCO3 theo bảng sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Yếu tố chi phí	Năm 2019		Năm 2020		Lũy kế đến Quý III/2021	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
I. Công ty mẹ						
1. Nhiên liệu	28.334	72,40%	25.887	71,99%	18.391	73,00%
2. Vật liệu	450	1,15%	747	2,08%	374	1,49%
3. Lương và Bảo hiểm xã hội	615	1,57%	701	1,95%	553	2,20%
4. Khấu hao TSCĐ	4.624	11,82%	4.493	12,49%	3.246	12,88%

Yếu tố chi phí	Năm 2019		Năm 2020		Lũy kế đến Quý III/2021	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
5. Các khoản dịch vụ mua ngoài	449	1,15%	534	1,48%	337	1,34%
6. Chi phí sửa chữa lớn	1.134	2,90%	677	1,88%	860	3,42%
7. Các chi phí bằng tiền khác	824	2,11%	1.063	2,96%	500	1,99%
8. Chi phí lãi vay	2.707	6,92%	1.859	5,17%	932	3,70%
Tổng cộng	39.137	100%	35.961	100%	25.194	100%
II. Hợp nhất						
1. Nhiên liệu	30.867	73,41%	27.225	72,31%	19.534	73,50%
2. Vật liệu	483	1,15%	781	2,08%	398	1,50%
3. Lương và Bảo hiểm xã hội	797	1,89%	844	2,24%	648	2,44%
4. Khấu hao TSCĐ	4.672	11,11%	4.546	12,07%	3.286	12,36%
5. Các khoản dịch vụ mua ngoài	470	1,12%	553	1,47%	350	1,32%
6. Chi phí sửa chữa lớn	1.161	2,76%	713	1,89%	893	3,36%
7. Các chi phí bằng tiền khác	879	2,09%	1.116	2,96%	530	1,99%
8. Chi phí lãi vay	2.719	6,47%	1.872	4,97%	938	3,53%
Tổng cộng	42.049	100%	37.651	100%	26.577	100%

Nguồn: EVNGENCO3

Trong tổng chi phí sản xuất điện của EVNGENCO3, chi phí nhiên liệu (khí, than) chiếm tỷ trọng lớn nhất, cả Công ty mẹ và hợp nhất tỷ lệ chi phí nhiên liệu luôn lớn hơn 70%. Do vậy, biến động về nhiên liệu ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty: giá nhiên liệu tăng cao sẽ làm tăng chi phí sản xuất và làm giảm khả năng cạnh tranh trên thị trường điện. Trong giai đoạn 2019-2021, chi phí sản xuất có xu hướng giảm do sản lượng điện giảm nên chi phí sản xuất giảm tương ứng.

Chi phí khấu hao TSCĐ chiếm khoảng 11 - 12% tổng chi phí sản xuất điện do đặc thù vốn đầu tư của các nhà máy điện lớn. Giai đoạn khi cụm nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ hết khấu hao (từ năm 2021 - 2023) nhưng vẫn đảm bảo vận hành ổn định sẽ giúp Tổng công ty hưởng lợi nhờ tiết giảm chi phí, gia tăng biên lãi và tạo lợi thế cạnh tranh.

Chi phí lãi vay năm 2019 - 2020 từ 5% - 6% tổng chi phí, trong 9 tháng năm 2021 tỷ trọng chi phí lãi vay giảm xuống còn khoảng 3,5% do lãi suất và tỷ giá năm 2021 đều diễn biến thuận lợi cho Tổng Công ty.

Biến động tỷ giá ảnh hưởng đến lợi nhuận của Tổng Công ty: Lỗ chênh lệch tỷ giá năm 2019 và năm 2020 được ghi nhận lần lượt là 980 và 358 tỷ đồng; lãi chênh lệch tỷ giá 9 tháng đầu năm 2021 là 1.002 tỷ đồng.

Nhằm kiểm soát các chi phí được cấu thành trong giá thành, Tổng Công ty đang áp dụng các phương pháp quản lý chi phí cụ thể như sau:

- Kiểm soát chi phí sản xuất kinh doanh: trên cơ sở kế hoạch SXKD được duyệt, Tổng Công ty theo dõi, quản lý từng khoản mục chi phí định kỳ hàng tháng để kiểm soát tình hình thực hiện nhằm đảm bảo kế hoạch sản xuất kinh doanh và có giải pháp phù hợp để điều hành, quản trị.
- Kiểm soát suất hao nhằm giảm chi phí nhiên liệu: Tổng Công ty tiếp tục kiểm soát tốt suất hao nhiên liệu các nhà máy, lựa chọn phương án chào giá hợp lý để hạn chế duy trì vận hành tải thấp, thực hiện các hạng mục công việc thuộc đề án giảm suất hao nhiên liệu (thử nghiệm đốt than trộn, giảm điện tự dùng,...)
- Tối ưu chi phí trong sản xuất kinh doanh: triển khai thực hiện các công trình sửa chữa lớn theo kế hoạch và các giải pháp để đảm bảo tiến độ, tối ưu trong công tác đấu thầu mua sắm vật tư thiết bị,...

6.4 Trình độ công nghệ:

Các nhà máy nhiệt điện khí

Các nhà máy nhiệt điện khí trực thuộc EVNGENCO3 bao gồm các NMD Phú Mỹ với 13 tổ máy (9 tổ máy tuabin khí và 4 tổ máy tuabin hơi), tổng công suất thiết kế là 2.540 MW, cụ thể:

- Tổ máy GT21 - PM21 (tuabin khí):

Thời gian đưa vào vận hành	: Tháng 3/1997.
Công suất thiết kế	: 144,1 MW (Gas)/133,5 MW (DO)
Công suất thiết kế có nâng công suất	: 154,7 MW (Gas)
Nước sản xuất	: ABB (Thụy Sĩ)
Đại tu gần nhất	: Tháng 01/2017
- Tổ máy GT22 - PM21 (tuabin khí):

Thời gian đưa vào vận hành	: Tháng 3/1997.
Công suất thiết kế	: 144,1 MW (Gas)/133,5 MW (DO)
Công suất thiết kế có nâng công suất	: 154,4 MW (Gas)
Nước sản xuất	: ABB (Thụy Sĩ)
Đại tu gần nhất	: Tháng 12/2018

- Tổ máy GT24 - PM21 Mở rộng (tuabin khí):
 - Thời gian đưa vào vận hành : Tháng 02/1999
 - Công suất thiết kế : 138,6 MW (Gas)/135 MW (DO)
 - Nước sản xuất : Siemens (Đức)
 - Đại tu gần nhất : Tháng 09/2016
- Tổ máy GT25 - PM21 Mở rộng (tuabin khí):
 - Thời gian đưa vào vận hành : Tháng 02/1999
 - Công suất thiết kế : 138,6 MW (Gas)/135 MW (DO)
 - Nước sản xuất : Siemens (Đức)
 - Đại tu gần nhất : Tháng 08/2018
- Tổ máy GT11 - PM1 (tuabin khí):
 - Thời gian đưa vào vận hành : Tháng 7/2001
 - Công suất thiết kế : 211,68 MW (DO) / 239,16 MW (gas)
 - Nước sản xuất : MHI (Nhật Bản).
 - Đại tu gần nhất : Tháng 12/2019
- Tổ máy GT12 - PM1 (tuabin khí):
 - Thời gian đưa vào vận hành : Tháng 10/2001
 - Công suất thiết kế : 211,68 MW (DO) / 239,16 MW (gas)
 - Nước sản xuất : MHI (Nhật Bản).
 - Đại tu gần nhất : Tháng 01/2019
- Tổ máy GT13 - PM1 (tuabin khí):
 - Thời gian đưa vào vận hành : Tháng 11/2001
 - Công suất thiết kế : 211,68 MW (DO) / 239,16 MW (gas)
 - Nước sản xuất : MHI (Nhật Bản)
 - Đại tu gần nhất : Tháng 01/2018
- Tổ máy GT41- PM4 (tuabin khí):
 - Thời gian đưa vào vận hành : Tháng 8/2004
 - Công suất thiết kế : 134,25 MW (DO)/ 145,75 MW (gas)
 - Nước sản xuất : ALSTOM (Thụy Sĩ)
 - Đại tu gần nhất : Tháng 08/2017
- Tổ máy GT42 - PM4 (tuabin khí):
 - Thời gian đưa vào vận hành : Tháng 8/2004
 - Công suất thiết kế : 134,25 MW (DO)/145,75 MW (gas)
 - Nước sản xuất : ALSTOM (Thụy Sĩ)

- | | |
|--|--|
| Đại tu gần nhất | : Tháng 01/2016 |
| - Tổ máy ST14 - PM1 (đuôi hơi): | |
| Thời gian đưa vào vận hành | : Tháng 4/2002 |
| Công suất thiết kế | : 391,17 MW |
| Nhà sản xuất | : MHI (Nhật Bản) |
| Đại tu gần nhất | : Tháng 10/2016 |
| - Tổ máy ST23 - PM21 (đuôi hơi): | |
| Thời gian đưa vào vận hành | : Tháng 5/2003 |
| Công suất thiết kế | : 162,1 MW |
| Nhà sản xuất | : ALSTOM (Thụy Sĩ) |
| Đại tu gần nhất | : Tháng 01/2017 |
| - Tổ máy ST26 - PM21 Mở rộng (đuôi hơi): | |
| Thời gian đưa vào vận hành | : Tháng 12/2005 |
| Công suất thiết kế | : 162,1 MW |
| Nhà sản xuất | : ALSTOM (Thụy Sĩ) |
| Đại tu gần nhất | : Tháng 02/2012 |
| - Tổ máy ST43 - PM4 (đuôi hơi): | |
| Thời gian đưa vào vận hành | : Tháng 08/2004 |
| Công suất thiết kế | : 162,1 MW |
| Nhà sản xuất | : ALSTOM (Thụy Sĩ) |
| Đại tu gần nhất | : Tháng 08/2017 |
|  Các nhà máy nhiệt điện than | |
| - Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2: | |
| Thời gian đưa vào vận hành | : Tổ máy S1 - Tháng 01/2015; Tổ máy S2 - Tháng 03/2015 |
| Công suất thiết kế | : 2x622 MW |
| Nhà sản xuất | : SEC - Shanghai Electric |
| Đại tu gần nhất | : S2 - Tháng 10/2018, S1 - Tháng 10/2019 |
| - Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1: | |
| Thời gian đưa vào vận hành | : Tổ máy S1 - Tháng 10/2015, Tổ máy S2 - Tháng 12/2015. |
| Công suất thiết kế | : 2x540 MW |
| Nhà sản xuất | : Lò hơi: Foster Wheeler, Tuabin - Máy phát điện: Doosan |
| Đại tu gần nhất | : Chưa đại tu. |

Các nhà máy thủy điện

Các nhà máy thủy điện trực thuộc EVNGENCO3 bao gồm nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp, Buôn Tua Srah, Srêpôk 3 thuộc Công ty thủy điện Buôn Kuốp, cụ thể:

- Nhà máy thủy điện Buôn Kuốp:
 - Thời gian đưa vào vận hành : H1 - Tháng 03/2009, H2 - Tháng 09/2009
 - Công suất thiết kế : 2x140 MW
 - Nhà sản xuất : Máy phát - Mitsubishi; Tuabin - LMZ
 - Đại tu gần nhất : H1 - Tháng 6/2017, H2 - Tháng 6/2018
- Nhà máy thủy điện Buôn Tua Srah:
 - Thời gian đưa vào vận hành : H1 - Tháng 09/2009, H2 - Tháng 12/2009
 - Công suất thiết kế : 2x43 MW
 - Nhà sản xuất : Dongfang
 - Đại tu gần nhất : H1 - Tháng 4/2020, H2 - Tháng 04/2019
- Nhà máy thủy điện Srêpôk 3:
 - Thời gian đưa vào vận hành : H1 - Tháng 06/2010, H2 - Tháng 09/2010
 - Công suất thiết kế : 2x110 MW
 - Nhà sản xuất : Harbin
 - Đại tu gần nhất : H2 - Tháng 3/2020, H1 - Tháng 4/2021
-  Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Tân 2
 - Thời gian đưa vào vận hành : Tháng 6/2019
 - Công suất thiết kế : 42,65 MWp

6.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển các dự án mới

- Dự án Trung tâm Điện lực Long Sơn công suất 3.600 - 4.500MW công nghệ tuabin khí sử dụng nguồn LNG nhập khẩu, đã được phê duyệt bổ sung Quy hoạch điện 7 điều chỉnh tại văn bản số 479/TTg-CN ngày 23/4/2020 với quy mô giai đoạn 1 công suất 1.200 - 1.500MW đưa vào vận hành năm 2025-2026. Hiện EVNGENCO3 đang phối hợp với Tổ hợp các nhà đầu tư phát triển dự án và UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trong công tác lựa chọn chủ đầu tư để triển khai đầu tư xây dựng giai đoạn 1 của Dự án. Các giai đoạn tiếp theo của Dự án hiện đang xem xét để đưa vào Quy hoạch điện 8.
- Thúc đẩy đầu tư/hợp tác cụm các Dự án thủy điện nhỏ Tây Bắc với quy mô tổng công suất khoảng 110MW (các dự án đã được bổ sung quy hoạch Điện lực và đang thực hiện thủ tục đầu tư).
- Thúc đẩy hợp tác đầu tư các Dự án điện gió trên bờ, ưu tiên các Dự án đã có trong quy hoạch và có Hợp đồng PPA.
- Thúc đẩy đầu tư mở rộng NMTĐ Buôn Kuốp/Srêpôk 3 với quy mô công suất khoảng 250MW (hiện đã trình Bộ Công Thương xem xét đưa vào Quy hoạch điện VIII).

- Nghiên cứu tham gia hợp tác đầu tư các Dự án điện gió ngoài khơi đối với các dự án đã được cấp giấy phép khảo sát và đang triển khai đo gió.

6.6 *Tình hình kiểm tra chất lượng*

Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng

Hiện tại EVNGENCO3 đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, dịch vụ theo các tiêu chuẩn, quy định hiện hành của Nhà nước và EVN.

Bộ phận kiểm tra chất lượng của công ty

Hệ thống quản lý chất lượng chung của Tổng Công ty được tổ chức cập nhật thường xuyên để phục vụ cho công tác Quản trị, Kiểm soát.

6.7 *Hoạt động Quan hệ cộng đồng*

Là doanh nghiệp sản xuất kinh doanh loại hàng hóa đặc biệt (điện năng) nên hoạt động Quan hệ cộng đồng của Tổng công ty tập trung vào 02 mục tiêu chủ yếu:

- Hướng về cộng đồng dân cư tại các công trình, nhà máy điện:
 - + Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về giải phóng mặt bằng, hỗ trợ di dời và tái định cư cho người dân khu vực ảnh hưởng của công trình nhà máy điện.
 - + Thực hiện tốt các quy định của Nhà nước, Tổng Công ty tạo điều kiện tốt nhất để người dân các địa phương xung quanh có cơ hội làm việc tại các công trình, nhà máy điện.
 - + Thực hiện nghiêm túc các quy trình vận hành liên hồ chứa và các văn bản phối hợp của chính quyền địa phương trong lĩnh vực thủy lợi, điều tiết nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt phía hạ du cũng như tích nước chống lũ trong mùa mưa bão.
 - + Luôn lắng nghe ý kiến đóng góp từ cộng đồng dân cư, là thành viên có trách nhiệm đối với nhân dân và chính quyền địa phương; Tổng Công ty và các đơn vị thành viên luôn là bạn, là đối tác tin cậy của cộng đồng doanh nghiệp.
 - + Góp phần tích cực trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng tại địa phương nơi các nhà máy hoạt động.
- Tăng cường quảng bá và xây dựng hình ảnh thân thiện của Tổng công ty đối với xã hội, môi trường:
 - + Thực hiện nghiêm văn hóa doanh nghiệp trong toàn Tổng Công ty.
 - + Tích cực nghiên cứu, ứng dụng cách mạng công nghệ 4.0 vào công tác Quản trị, sản xuất, kinh doanh theo chỉ đạo, hướng dẫn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
 - + Không ngừng đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả lao động, vận hành an toàn các nhà máy điện, bảo đảm vệ sinh môi trường và cuộc sống người dân xung quanh nhà máy, công trình.
 - + Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ việc sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên nước trong sản xuất điện. Tham gia tích cực và đóng góp đáng kể trong các phong trào vì lợi ích cộng đồng và các hoạt động phúc lợi xã hội khác.

6.8 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hiện tại, Tập đoàn Điện lực Việt Nam đang sở hữu và khai thác bản quyền, nhãn hiệu hàng hóa đã đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ và ủy quyền cho EVNGENCO3 sử dụng.

Logo hiện nay Tổng Công ty đang sử dụng:



Mô tả logo của EVNGENCO3 gồm 2 phần:

- Phần hình: Là biểu tượng ba ngôi sao bốn cánh đồng tâm nổi bật trong vòng tròn màu xanh lam. Ngôi sao trong cùng có màu vàng, ngôi sao ở giữa có màu đỏ, ngôi sao ngoài cùng có màu xanh lam. Đây cũng là biểu tượng chung của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các đơn vị thành viên, các công ty con.
- Phần chữ: Là chữ “EVNGENCO3” và “TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3”.

6.9 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

🌈 Các hợp đồng mua bán điện như sau:

STT	Tên hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Sản phẩm	Đối tác
1	Hợp đồng số 07/2012/HĐ-NMĐ-PM của các NMĐ Phú Mỹ	25 năm kể từ ngày vận hành thương mại nhà máy điện	Điện năng (kWh)	EVN/Công ty Mua Bán điện
2	Hợp đồng số 01/2016/HĐ-NMĐ-MD1 của NMĐ Mông Dương 1			
3	Hợp đồng số 01/2015/HĐ-NMĐ-VT2 của NMĐ Vĩnh Tân 2			
4	Hợp đồng số 01/2013/HĐ-NMĐ-BK của NMTĐ Buôn Kuốp, Buôn Tua Srah, Srêpôk 3			
5	Hợp đồng số 04/2019/HĐ-NMĐMT-VINH TAN 2 của NMĐ Mặt trời Vĩnh Tân 2	20 năm kể từ ngày vận hành thương mại nhà máy điện		

Nguồn: EVNGENCO3

🌟 Các hợp đồng mua bán nhiên liệu đầu vào như sau:

STT	Tên hợp đồng	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Đối tác
1	Hợp đồng mua bán than dài hạn cung cấp cho NMNĐ Vĩnh Tân 2	20 năm, từ năm 2020 đến 2039	Than	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam
2	Hợp đồng mua bán than dài hạn cung cấp cho NMNĐ Vĩnh Tân 2	22 năm, từ năm 2019 đến 2040	Than	Tổng Công ty Đông Bắc
3	Hợp đồng nguyên tắc mua bán than cho NMNĐ Mông Dương 1	25 năm, từ năm 2015 đến 2040	Than	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam
4	Hợp đồng nguyên tắc mua bán than cho NMNĐ Mông Dương 1	03 năm từ năm 2021 đến năm 2023	Than	Tổng Công ty Đông Bắc
5	Hợp đồng nguyên tắc mua bán than cho NMNĐ Ninh Bình	06 năm, từ năm 2020 đến 2025	Than	Tổng Công ty Đông Bắc
6	Hợp đồng nguyên tắc mua bán than cho NMNĐ Ninh Bình	Từ năm 2020 đến hết đời dự án	Than	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam
7	Hợp đồng kinh tế mua bán khí Nam Côn Sơn số 01-NCS/PVN-EVN ngày 15/10/2001	Hết hiệu lực ngày 24/4/2023	Khí	Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP

Nguồn: EVNGENCO3

🌟 Các hợp đồng dài hạn cung cấp vật tư mới, phục hồi vật tư và dịch vụ cung cấp chuyên gia và dịch vụ kỹ thuật với các nhà chế tạo tuabin khí như sau:

STT	Tên hợp đồng	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Đối tác
1	Hợp đồng dài hạn số 11-05/EVN-ITC&MHI/PHUMY ký ngày 11/11/2015	Đến tháng 9/2022 (<i>hết hạn là tháng 9/2021, đang thực hiện gia hạn</i>)	Các tổ máy (GT11, GT12, GT13, Lò 11/12/13, ST14) thuộc NMD Phú Mỹ 1	ITP-MPW (Nhật Bản)
2	Hợp đồng dài hạn số 06-20/GENCO3-	Đến tháng 4/2024	- Các tổ máy (GT21, GT22, Lò 21/22, ST23, Lò 24/25,	GE (Hoa Kỳ)

STT	Tên hợp đồng	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Đối tác
	GE/PHUMY ký ngày 01/6/2020		ST26) thuộc NMD Phú Mỹ 2.1 và Phú Mỹ 2.1MR. -Các tổ máy (GT41, GT42, Lò 41/42, ST43) thuộc NMD Phú Mỹ 4	
3	Hợp đồng dài hạn số 12-05/EVN-SIEMENS/PHUMY ký ngày 18/06/2015	Đến tháng 5/2025	Các tổ máy (GT24, GT25) thuộc NMD Phú Mỹ 2.1 MR.	SIEMENS (Đức)

Nguồn: EVNGENCO3

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019, 2020 và 9 tháng đầu năm 2021

- Kết quả hoạt động kinh doanh:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm 2020/2019	Lũy kế đến Quý III/2021
I	Công ty mẹ				
1.	Tổng tài sản	73.543,51	70.658,13	-3,92%	68.207,49
2.	Vốn chủ sở hữu	11.586,13	13.280,13	14,62%	15.032,82
3.	Doanh thu thuần	41.085,06	38.580,96	-6,09%	27.026,92
4.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	965,98	2.149,80	122,55%	2.866,86
5.	Lợi nhuận khác	(27,45)	(1,58)	-94,23%	(4,18)
6.	Lợi nhuận trước thuế	938,53	2.148,22	128,89%	2.862,68
7.	Lợi nhuận sau thuế	871,59	1.694,00	94,36%	2.448,49
8.	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	63,16%	-	-
9.	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân	8,51%	13,62%	60,02%	17,30%

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm 2020/2019	Lũy kế đến Quý III/2021
II	Hợp nhất				
1.	Tổng tài sản	76.025,72	72.899,97	-4,11%	70.556,93
2.	Vốn chủ sở hữu	13.192,34	14.963,99	13,43%	16.780,53
3.	Doanh thu thuần	44.167,41	40.367,21	-8,60%	28.397,16
4.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.265,75	2.293,72	81,21%	2.978,67
5.	Lợi nhuận khác	(26,80)	(1,38)	-94,83%	(3,90)
6.	Lợi nhuận trước thuế	1.238,95	2.292,34	85,02%	2.974,77
7.	Lợi nhuận sau thuế	1.125,42	1.815,26	61,30%	2.549,29
8.	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	58,94%		-
9.	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân	9,48%	13,03%	37,40%	16,31%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2020 và BCTC Quý III năm 2021 của EVNGENCO3

Ghi chú: Số liệu năm 2019 đã được điều chỉnh hồi tố trong Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020. Theo đó, chính sách kế toán đặc thù về chênh lệch tỷ giá (Nghị quyết số 150/2018/NQ-CP của Chính phủ ngày 13/12/2018) không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019.

Doanh thu thuần năm 2020 của Công ty mẹ đạt 38.581 tỷ đồng và Hợp nhất là 40.367 tỷ đồng, trong đó doanh thu bán điện đạt 38.119 tỷ đồng đối với Công ty mẹ và 39.895 tỷ đồng đối với Hợp nhất Tổng Công ty, giảm nhẹ so với năm 2019 do sản lượng điện giảm và giá bán điện thấp hơn so với năm 2019.

Tổng chi phí năm 2020 của Công ty mẹ là 36.901 tỷ đồng và Hợp nhất là 38.528 tỷ đồng đều giảm so với năm 2019, trong đó:

- Giá vốn hàng bán Công ty mẹ giảm 2.293 tỷ đồng và Hợp nhất giảm 3.499 tỷ đồng chủ yếu do sản lượng điện giảm.
- Chi phí tài chính năm 2020 Công ty mẹ giảm 1.459 tỷ đồng. Chi phí tài chính Hợp nhất giảm 1.433 tỷ đồng do dư nợ vay giảm (Tổng Công ty trả nợ hàng năm khoảng 5.000 tỷ đồng) và lãi suất bình quân của các khoản vay năm 2020 giảm so với năm 2019 (giảm 1,14%) làm chi phí lãi vay giảm 847 tỷ đồng so với năm 2019; năm 2020 lỗ chênh lệch tỷ giá là 379 tỷ đồng giảm 594 tỷ đồng so với năm 2019.
- Do chưa có đủ thông tin cần thiết để lập dự phòng hoàn nguyên môi trường nên Tổng Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng này.

Tuy sản lượng điện và doanh thu giảm so với năm 2019, Tổng Công ty thực hiện các giải pháp tối ưu sản xuất kinh doanh, lợi nhuận sau thuế năm 2020 của Công ty mẹ đạt 1.694 tỷ đồng tăng 94,36% so với năm 2019, lợi nhuận sau thuế hợp nhất toàn Tổng Công ty đạt 1.815 tỷ đồng tăng 61,30% so với năm 2019. Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu năm 2020 đạt trên 12%, tăng mạnh so với năm 2019.

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong năm báo cáo 2020

Những nhân tố thuận lợi

- Là một Tổng Công ty có vốn đầu tư lớn của EVN, EVNGENCO3 nhận được sự hỗ trợ trong công tác quản lý, điều hành từ EVN.
- Các nhà máy hiện tại của EVNGENCO3 đều đã hoàn thành và đưa vào phát điện thương mại, đóng góp lớn vào tổng công suất phát điện của cả nước. Thêm vào đó, phần lớn công suất phát điện của EVNGENCO3 (hơn 66%) thuộc các nhà máy tại khu vực phía Nam, là khu vực có nhu cầu nguồn điện rất lớn.
- EVNGENCO3 có đội ngũ CBNV có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm trong việc quản lý, vận hành các nhà máy cũng như tìm kiếm và phát triển các dự án khác trong tương lai.
- EVNGENCO3 có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem EVNGENCO3 có chịu rủi ro tín dụng hay không. EVNGENCO3 không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với khách hàng hoặc đối tác vì các khoản phải thu chủ yếu là từ các công ty trong cùng EVN.

Những nhân tố khó khăn

- Các nhà máy của EVNGENCO3 chủ yếu dùng nhiên liệu hóa thạch (chiếm 89%) và chủ yếu là nguồn khí đốt và than đá trong nước. Trong khi các nguồn nhiên liệu này chỉ đủ đáp ứng cho các nhà máy hiện tại và có xu hướng giảm dần. Theo đó, EVNGENCO3 phải triển khai nhập khẩu để bù đắp phần nhiên liệu thiếu hụt. Tuy nhiên, nguồn nhiên liệu nhập khẩu sẽ biến thiên theo chỉ số giá của thị trường nhiên liệu thế giới.
- Hoạt động kinh doanh chịu ảnh hưởng của yếu tố thời tiết - đang ngày càng diễn biến phức tạp trước sự biến đổi khí hậu toàn cầu.
- Các dự án đầu tư của EVNGENCO3 chủ yếu sử dụng nguồn vốn vay ngoại tệ, do đó EVNGENCO3 chịu nhiều sức ép từ biến động lãi suất và tỷ giá.

8. Vị thế của Tổng Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

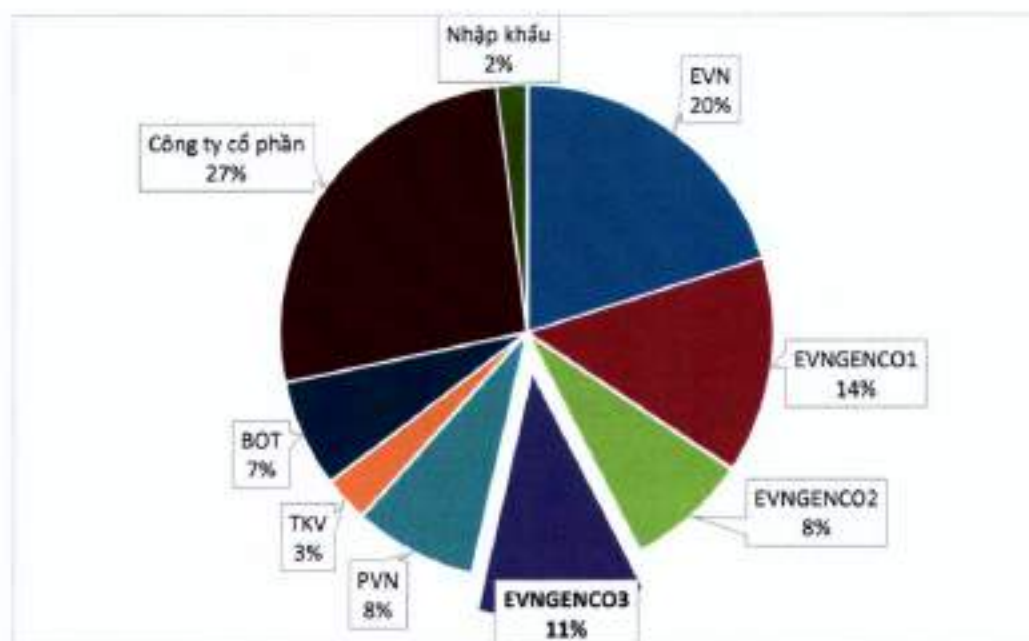
8.1 Vị thế của Tổng Công ty trong ngành

Công suất lắp đặt:

Tổng công suất lắp đặt các nhà máy điện trong EVNGENCO3 (không bao gồm CTCP DL Dầu khí Nhơn Trạch 2 và CTCP Điện Việt - Lào) đạt 6.340 MW chiếm khoảng 10,9% công suất đặt của toàn hệ thống điện. Phân theo loại hình nhà máy của EVNGENCO3, thủy điện chiếm

khoảng 2,26%, nhiệt điện than chiếm khoảng 5,77%, tuabin khí chiếm khoảng 6,97% công suất phát điện của toàn hệ thống điện Việt Nam.

Sơ đồ 3: Cơ cấu ngành điện Việt Nam theo công suất lắp máy (Năm 2020)



Nguồn: EVNGENCO3

Sản lượng điện sản xuất:

Bảng 4: Sản lượng điện sản xuất của EVNGENCO3 so với hệ thống điện

Đơn vị: triệu kWh

Đơn vị sản xuất	2016	2017	2018	2019	2020
EVNGENCO3	33.654	33.165	33.146	34.625	33.254
Toàn hệ thống điện Quốc gia	182.165	197.551	219.245	238.687	247.080

Nguồn: EVNGENCO3

Về sản lượng điện sản xuất, năm 2020 EVNGENCO3 sản xuất được **33.254 triệu kWh** điện, chiếm **13,46%** sản lượng điện toàn Hệ thống điện Quốc Gia.

8.2 Triển vọng phát triển ngành Điện

Ngành Điện Việt Nam là một trong những ngành then chốt, hấp dẫn đầu tư do tốc độ tăng trưởng kinh tế, nhu cầu sử dụng điện năng tại Việt Nam ngày một tăng cao và kỳ vọng tiếp tục phát triển. Sản lượng điện liên tục gia tăng, từ 101,5 tỷ kWh vào năm 2011 lên khoảng 247,08 tỷ kWh vào năm 2020, bình quân tăng khoảng 9,30%/năm, công suất đặt tăng từ 24.744 MW vào năm 2011 lên đến 69.300 MW vào năm 2020, bình quân tăng khoảng 10,85%/năm.

Theo Quy hoạch điện VII điều chỉnh, nhằm cung cấp đủ nhu cầu điện trong nước, đáp ứng cho Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước với mức tăng trưởng GDP bình quân

khoảng 7,0%/năm trong giai đoạn 2016 - 2030. Với mức tăng trưởng GDP 7,0%/năm, dự kiến nhu cầu sử dụng điện trên toàn quốc tăng trưởng bình quân 10,6%/năm, mục tiêu cụ thể phát triển nguồn điện như sau:

- Điện thương phẩm: Năm 2025 khoảng 352 - 379 tỷ kWh; năm 2030 khoảng 506 - 559 tỷ kWh.
- Điện sản xuất và nhập khẩu: Năm 2025 khoảng 400 - 431 tỷ kWh và năm 2030 khoảng 572 - 632 tỷ kWh.

Cũng theo Quy hoạch điện VII điều chỉnh, tổng mức đầu tư cho ngành điện Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 là 2.347,99 nghìn tỷ đồng (tương đương 108 tỷ USD, trung bình hơn 10,8 tỷ USD/năm), trong đó khoảng 74% giá trị là dành cho đầu tư nguồn điện. Do đó nhu cầu vốn đầu tư trong thời gian tới rất cao và mang lại hiệu quả hấp dẫn.

Bên cạnh đó, nhu cầu sản xuất công nghiệp trên khắp cả nước đang phát triển mạnh mẽ kéo theo nhu cầu sử dụng điện công nghiệp phục vụ hoạt động sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, thương mại dịch vụ, dân sinh tăng lên, trong đó ngành điện sẽ có động lực tăng trưởng mạnh mẽ trong 10 năm tới đến từ:

- GDP đạt 6,5% khi hoạt động kinh tế trong và ngoài nước tiếp tục bình thường hóa và phục hồi sau dịch bệnh;
- Xu hướng dịch chuyển sản xuất của các tập đoàn đa quốc gia đặc biệt từ Trung Quốc đến với Việt Nam;
- Xuất nhập khẩu được thúc đẩy sau khi dịch bệnh được Kiểm soát cùng tác động tích cực của các hiệp định FTA được đi vào thực thi đẩy mạnh hoạt động vận tải hàng hóa đường biển gia tăng nhu cầu sử dụng điện năng.

Do đó, ngành sản xuất điện trong thời gian tới có những lợi thế do nhu cầu sử dụng điện ngày một gia tăng do sự phát triển kinh tế và các yếu tố xã hội con người. Thực hiện tái cơ cấu ngành điện để từng bước phát triển thị trường điện cạnh tranh lành mạnh trên cơ sở bảo đảm an ninh cung cấp điện, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh điện; đưa ra quy định về giá một cách công khai, minh bạch để thu hút đầu tư, phát triển ngành điện bền vững. Nhằm chuyển đổi cơ cấu thị trường, ngày 08/11/2013, Quyết định số 63/2013/QĐ-TTg được ban hành, quy định về lộ trình, các điều kiện và cơ cấu ngành điện để hình thành và phát triển các cấp độ thị trường điện lực Việt Nam, hướng đến năm 2023 thị trường điện bán lẻ cạnh tranh sẽ được vận hành.

Điện lực được đánh giá là ngành thiết yếu của nền kinh tế quốc dân, phục vụ sản xuất kinh doanh và đáp ứng nhu cầu sinh hoạt. Sự phát triển của ngành điện có ý nghĩa nền tảng đối với công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước nói riêng và sự phát triển của nền kinh tế nói chung.

8.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổng Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần với định hướng phát triển trở thành doanh

nghiệp sản xuất nguồn năng lượng sạch, đa dạng góp phần đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia. Các nhà máy điện là tài sản mà EVNGENCO3 đã tạo nên bằng nỗ lực, kỹ thuật chuyên môn cao của đội ngũ nhân sự của EVNGENCO3. Các nhà máy điện với công nghệ hiện đại, tiên tiến đảm bảo hiệu suất hoạt động cũng như đảm bảo an toàn cho người lao động và môi trường xung quanh.

Theo sát sự điều chỉnh về quy hoạch điện, EVNGENCO3 đã từng bước thể hiện sự đúng đắn trong định hướng phát triển và hoạt động phù hợp với định hướng của ngành và chính sách nhà nước.

Các nhà máy trực thuộc EVNGENCO3 đều tham gia chào giá trực tiếp thị trường điện, tuân thủ đúng các quy định vận hành của thị trường điện và chủ động trong công tác vận hành, cụ thể như sau:

- Xây dựng chiến lược chào giá hiệu quả nhằm chủ động phương thức huy động và khai thác hiệu quả các tổ máy.
- Chủ động bố trí phương thức sửa chữa, nâng cao độ tin cậy của thiết bị, hệ thống, đảm bảo cho sản xuất ổn định, hiệu quả.
- Đầu tư thiết bị và đào tạo phát triển nguồn nhân lực để sẵn sàng tham gia Thị trường điện bán buôn theo lộ trình của Chính phủ.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Số lượng lao động trong Tổng Công ty

Tổng số lượng lao động của Công ty mẹ tính tại thời điểm 30/9/2021 là 2.049 người với phân loại cụ thể như sau:

Tiêu chí	Số lượng (lao động)	Tỷ lệ (%)
Phân theo trình độ chuyên môn	2.049	100%
Trên đại học, đại học	1.015	49,54%
Cao đẳng	299	14,59%
Trung cấp	365	17,81%
Lao động phổ thông	370	18,06%
Phân loại theo thời hạn hợp đồng	2.049	100%
Hợp đồng không xác định thời hạn	1.829	89,26%
Hợp đồng có xác định thời hạn	220	10,74%
Phân loại theo tính chất lao động	2.049	100%
Lao động trực tiếp	1.250	61,01%
Lao động gián tiếp	799	38,99%

Nguồn: EVNGENCO3

9.2 Chính sách đối với người lao động

Thời gian làm việc

Thời gian làm việc không quá 8 giờ trong 1 ngày, không quá 48 giờ trong 1 tuần.

Trường hợp do yêu cầu sản xuất, cần bố trí làm thêm giờ thì thời gian làm thêm giờ không quá 4 giờ trong 1 ngày, 30 giờ trong 1 tháng và 200 giờ trong 1 năm.

Thời gian nghỉ làm việc, nghỉ giữa ca

Người lao động làm việc 8 giờ/ngày trong điều kiện bình thường được nghỉ ít nhất 30 phút tính vào thời gian làm việc; nghỉ 45 phút khi làm ca đêm.

Chế độ nghỉ việc riêng, ốm đau, thai sản, hưu trí... được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Luật Lao động. Ngoài ra, quy định của Tổng Công ty có nhiều điểm có lợi hơn cho NLĐ như: Con, cha, mẹ NLĐ kết hôn nghỉ 02 ngày, vợ sinh con nghỉ thêm 02 ngày hưởng nguyên lương,...

CBCNV Công ty và các đơn vị trực thuộc không phân biệt lao động ngắn hạn, dài hạn đều được nghỉ trong những ngày Lễ, Tết và các ngày nghỉ khác do Nhà nước quy định.

Nghỉ phép: người lao động được nghỉ phép hàng năm theo quy định tại Điều 113 và 114 Bộ Luật Lao động. Tùy thuộc vào độ dài quãng đường đi, NLĐ được cộng thêm số ngày đi đường từ 01 - 04 ngày vào số ngày nghỉ phép hàng năm (tính một lần trong năm).

Điều kiện làm việc

Người lao động được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, được cấp phát những dụng cụ làm việc, máy móc thiết bị cần thiết đảm bảo chất lượng theo quy định.

Điều kiện an toàn và vệ sinh lao động tại nơi làm việc theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo và thu hút nhân tài

Mục tiêu tuyển dụng của EVNGENCO3 là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của EVNGENCO3. Quy trình tuyển dụng của EVNGENCO3 đảm bảo nguyên tắc công bằng, minh bạch. Tùy theo chức danh, chức vụ đảm nhiệm, EVNGENCO3 đề ra những tiêu chuẩn riêng nhưng tất cả đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như trình độ chuyên môn; tính chủ động, sáng tạo, tinh thần học hỏi và nhiệt tình trong công việc, yêu nghề. Đối với cán bộ phải đảm bảo các tiêu chuẩn trình độ chuyên môn nghiệp vụ tương ứng với từng chức danh được quy định cụ thể trong Quy chế về công tác cán bộ. Ngoài ra EVNGENCO3 có chính sách lương, thưởng đặc biệt liên quan tới các nhân viên giỏi, xuất sắc, có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, thực hiện chính sách thu hút nhân tài, xem nhân sự là nguồn lực quý báu và quan trọng đối với sự phát triển bền vững của EVNGENCO3.

Luôn xem người lao động là nguồn lực quý báu và quan trọng đối với sự phát triển bền vững của EVNGENCO3, EVNGENCO3 xây dựng chính sách lương, thưởng công bằng, tương xứng với vị trí, năng lực, mức độ đóng góp của người lao động; xây dựng chính sách đào tạo,

bồi dưỡng kỹ năng, kiến thức chuyên môn nhằm phát triển nguồn nhân lực đáp ứng thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của EVNGENCO3 và lộ trình phát triển nghề nghiệp của nhân viên.

Trong công tác đào tạo, EVNGENCO3 đã chú trọng đến công tác: (i) Tổ chức học hỏi để nâng cao năng lực, tính chuyên nghiệp, sáng tạo; (ii) Tăng cường đào tạo nội bộ, đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu, quản lý dự án, kỹ thuật chuyên sâu về công nghệ, vận hành, sửa chữa; (iii) Đào tạo qua hệ thống E-learning. Ngoài ra, EVNGENCO3 còn tập trung công tác đào tạo đội ngũ cán bộ, lực lượng trẻ nòng cốt trong quy hoạch đạt chuẩn trình độ về quản lý, chính trị, ngoại ngữ; chuẩn hóa công tác đào tạo thi bồi dưỡng nghề, giữ bậc, nâng bậc nhằm nâng cao tay nghề, chất lượng bậc thợ của lực lượng trực tiếp.

9.3 Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

Tiền lương của người lao động trong EVNGENCO3 được phân phối theo vị trí, năng lực và hiệu quả công việc được giao trên cơ sở theo mô tả công việc, khung năng lực, vị trí chức danh và kết quả đánh giá công việc.

EVNGENCO3 có chính sách khen thưởng đặc biệt xứng đáng đối với 1 số đối tượng như: cá nhân thực hiện các công việc đòi hỏi có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, tay nghề giỏi, năng suất lao động cao, đóng góp có hiệu quả vào quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ; cá nhân/ tập thể đảm đương các công việc phức tạp, quan trọng, có tầm ảnh hưởng, tác động, có đóng góp lớn vào hiệu quả hoạt động của EVNGENCO3.

EVNGENCO3 thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách về tiền lương, nghĩa vụ đóng bảo hiểm bắt buộc đảm bảo theo quy định pháp luật/ EVNGENCO3. Thực hiện tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể người lao động. Thường xuyên rà soát, điều chỉnh chính sách phúc lợi, tạo thêm nhiều ưu đãi thiết thực để đảm bảo an sinh cho người lao động. Ngoài những quyền lợi được quy định trong Bộ Luật Lao động, người lao động trong EVNGENCO3 còn được hưởng các đãi ngộ dưới các hình thức như du lịch, nghỉ mát, trợ cấp khi thai sản, nuôi con nhỏ và ốm đau, trợ cấp khó khăn; được mua bảo hiểm chăm sóc sức khỏe.

10. Chính sách cổ tức

Tổng Công ty chỉ trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và ngay khi trả hết cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trả. ĐHĐCĐ thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức chi trả cho cổ đông.

Tỷ lệ chi trả cổ tức của công ty qua các năm

Năm	Tỷ lệ chi trả cổ tức	Hình thức chi trả	Ghi chú
2019	0%	-	
2020	5%	Bằng tiền mặt	Đã thanh toán
	5%	Bằng cổ phiếu	

Nguồn: EVNGENCO3

Tổng Công ty phần đầu tỷ lệ cổ tức trong các năm tiếp theo khoảng 10%/ năm

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

▪ **Khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định của Tổng Công ty được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính và quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao của các nhóm tài sản cụ thể như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	: 10 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	: 05 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	: 06 - 30 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	: 03 - 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	: 05 - 10 năm
Phần mềm máy tính	: 03 - 10 năm
Bản quyền chuyển giao công nghệ	: 10 năm
Tài sản cố định vô hình khác	: 03 - 10 năm

▪ **Thu nhập bình quân của người lao động**

Mức lương bình quân của người lao động tại Công ty mẹ giai đoạn 2019 - 2020

Đơn vị tính: triệu đồng/người/tháng

Năm	Năm 2019	Năm 2020
Mức lương bình quân	24,98	27,27

Nguồn: EVNGENCO3

▪ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Tổng Công ty hiện nay không có khoản nợ quá hạn, các khoản nợ phải trả đến hạn đều được Tổng Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn.

▪ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Tổng Công ty nghiêm túc tuân thủ quy định về thuế và các khoản phải nộp Ngân sách nhà nước. Chi tiết thuế và các khoản đã nộp Ngân sách nhà nước năm 2019, 2020 và 9 tháng đầu năm 2021 như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2019	2020	30/9/2021
Thuế GTGT	1.137	1.185	869
Thuế tài nguyên	425	413	258
Thuế TNDN	171	273	109
Thuế thu nhập cá nhân	19	40	52
Các loại thuế khác	114	224	259
Cộng	2.008	2.263	1.548

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2021 của EVNGENCO3

▪ Trích lập các quỹ theo luật định

Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ hàng năm do Hội đồng Quản trị đề xuất và trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng Công ty. Số dư các quỹ tại thời điểm 31/12/2019, 31/12/2020 và 30/06/2021:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Số dư Quỹ	31/12/2019	31/12/2020	30/9/2021
Quỹ đầu tư phát triển	141,87	184,36	698,37
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	184,80	151,64	251,22

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2021 của EVNGENCO3

▪ Tổng dư nợ vay

Số dư nợ vay ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2019, 31/12/2020 và 30/09/2021, chi tiết như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	30/9/2021
1	Vay ngắn hạn	5.373,36	4.942,51	3.172,53
1.1	Vay ngân hàng	25,03	0,00	0,00
1.2	Vay ngân hàng dài hạn đáo hạn trong vòng một năm	767,29	371,10	292,46
1.3	Vay bên liên quan dài hạn đáo hạn trong vòng một năm	4.581,04	4.571,41	2.880,07
2	Vay dài hạn	50.821,49	45.847,11	41.890,50

TT	Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	30/9/2021
2.1	Vay ngân hàng	3.132,62	2.420,37	1.900,36
2.2	Vay bên liên quan	47.688,87	43.426,74	39.990,14
	Tổng cộng	56.194,85	50.789,62	45.063,03

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2021 của EVNGENCO3

▪ **Tình hình công nợ hiện nay**

📌 **Các khoản phải thu**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Các khoản phải thu	31/12/2019	31/12/2020	30/9/2021
I	Phải thu ngắn hạn	9.861,66	9.838,51	10.959,94
1	Phải thu của khách hàng	8.955,14	9.054,95	10.026,94
2	Trả trước cho người bán	180,32	147,09	200,48
3	Các khoản phải thu khác	727,05	636,47	732,52
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(0,85)	-	-
II	Phải thu dài hạn	3,31	3,32	3,32
1	Trả trước cho người bán	-	-	-
2	Phải thu dài hạn khác	3,31	3,32	3,32
	Tổng cộng	9.864,97	9.841,83	10.963,26

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2021 của EVNGENCO3

Trong cơ cấu các khoản phải thu ngắn hạn, khoản phải thu trực tiếp từ Công ty Mua bán điện chiếm tỷ trọng lớn nhất. Các nhà máy điện trực thuộc của Tổng Công ty tham gia chào giá trực tiếp trên thị trường điện (vận hành theo quy định tại Thông tư số 45/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương và các quy định pháp luật liên quan) và đã ký hợp đồng mua bán điện dài hạn với EVN. Công tác chào giá phát điện thực hiện theo đúng quy định của thị trường điện mua bán, chính sách thanh toán tiền điện được thực hiện theo thỏa thuận cụ thể tại các Hợp đồng mua bán điện của từng Nhà máy điện riêng biệt.

Tóm tắt quy định về xác định điện năng mua bán và Lập hóa đơn tiền điện trong Hợp đồng mua bán điện (PPA) của các nhà máy điện trực thuộc như sau:

- Xác định điện năng mua bán: Vào ngày mùng một hàng tháng, Bên Mua và Bán điện sẽ cùng thực hiện chốt chỉ số công tơ và lập biên bản xác nhận chỉ số công tơ tại thời điểm 0h00 ngày mùng một và lượng điện năng giao nhận hàng tháng của tháng trước.

- Lập hóa đơn và thanh toán tiền điện:
 - + Trước ngày 15 hàng tháng, Bên bán điện sẽ lập và gửi bên Mua điện thông báo thanh toán kèm hồ sơ thanh toán tiền điện.
 - + Trong thời hạn 7 Ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ thanh toán Bên bán gửi, Bên mua sẽ kiểm tra Hồ sơ thanh toán và có ý kiến phản hồi cho bên Bán.
 - + Trong vòng 2 đến 5 Ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ thanh toán được chấp nhận. Bên bán sẽ phát hành hóa đơn và gửi hóa đơn thanh toán cho Bên Mua;

Trong thời hạn 7 Ngày làm việc kể từ ngày Bên mua nhận được Hóa đơn thanh toán hợp lệ và chính xác của Bên bán (đối với PPA của Nhà máy điện Phú Mỹ, Buôn Kuốp), hoặc trong vòng 20 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn tiền điện (đối với Nhà máy điện Vĩnh Tân 2, Mông Dương 1), Bên mua có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền ghi trong hóa đơn thanh toán tiền điện cho Bên bán bằng phương thức chuyển khoản.

Chi tiết các khoản nợ phải trả

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Các khoản nợ phải trả	31/12/2019	31/12/2020	30/9/2021
I	Nợ ngắn hạn	11.648,10	11.740,23	11.544,82
1	Phải trả người bán	4.260,45	4.833,06	3.612,68
2	Người mua trả tiền trước	0,10	10,31	2,65
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	154,86	278,56	587,97
4	Phải trả người lao động	316,19	430,37	279,35
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	128,05	210,30	1.037,29
6	Doanh thu chưa thực hiện	16,01	16,01	12,24
7	Phải trả ngắn hạn khác (*)	1.214,27	867,48	2.588,90
8	Vay ngắn hạn	5.373,36	4.942,51	3.172,53
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	184,80	151,64	251,22
II	Nợ dài hạn	51.185,28	46.195,75	42.231,57
1	Doanh thu chưa thực hiện	363,80	348,64	341,06
2	Phải trả dài hạn khác	-	-	0,02
3	Vay dài hạn	50.821,49	45.847,11	41.890,50
	Tổng cộng	62.833,38	57.935,98	53.776,40

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2021 của EVNGENCO3

(*) Tại ngày 31/12/2020, khoản phải trả chủ yếu bao gồm nợ gốc vay, lãi vay, phí vay lại và thuế nhà thầu đã nhận được thông báo hạch toán từ EVN (tại ngày 31/12/2019: bao gồm chủ yếu lãi vay, phí vay lại và thuế nhà thầu).

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020
A. Công ty mẹ				
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn (<i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>)	Lần	1,67	1,75
2	Hệ số thanh toán nhanh (<i>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</i>)/ <i>Nợ ngắn hạn</i>	Lần	1,42	1,39
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
1	Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,84	0,81
2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	5,35	4,32
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
1	Vòng quay hàng tồn kho (<i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>)	Lần	13,24	9,85
2	Vòng quay tổng tài sản (<i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i>)	Lần	0,55	0,54
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
1	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,12	4,39
2	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	8,51	13,62
3	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	1,17	2,35
4	Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	2,35	5,57
B. Hợp nhất				
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn (<i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>)	Lần	1,73	1,80
2	Hệ số thanh toán nhanh (<i>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</i>)/ <i>Nợ ngắn hạn</i>	Lần	1,48	1,44
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
1	Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,83	0,79
2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	4,76	3,87
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
1	Vòng quay hàng tồn kho (<i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>)	Lần	13,28	9,75
2	Vòng quay tổng tài sản (<i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i>)	Lần	0,57	0,54
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
1	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,55	4,50
2	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	9,48	13,03

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020
3	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	1,46	2,44
4	Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	2,87	5,68

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 của EVNGENCO3

Nhìn chung, các chỉ tiêu tài chính của Tổng Công ty khá tốt, cho thấy mức độ rủi ro thấp và hoạt động hiệu quả trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh điện. Hệ số thanh toán ngắn hạn và hiện hành của Công ty mẹ và Hợp nhất lần lượt đều xấp xỉ và trên 1,4 lần (>1 lần), cho thấy Tổng Công ty đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn và đáp ứng được các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn.

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Tổng Công ty đều tăng trưởng mạnh mẽ nhờ lợi nhuận sau thuế năm 2020 tăng trưởng mạnh. Năm 2020, Tổng Công ty đã nâng cao hiệu quả trong việc sử dụng tài sản và nguồn vốn của chủ sở hữu: ROE tăng từ 8,51% (Công ty mẹ) và 9,48% (Hợp nhất) vào cuối năm 2019 lên đến 13,62% (Công ty mẹ) và 13,03% (Hợp nhất) vào cuối năm 2020.

12. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng

12.1 Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng

TT	Họ Tên		Chức vụ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
1	Ông	Đinh Quốc Lâm	Chủ tịch HĐQT
2	Ông	Lê Văn Danh	TV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3	Ông	Trương Quốc Phúc	TV HĐQT
4	Ông	Nguyễn Minh Khoa	TV HĐQT
5	Ông	Đỗ Mộng Hùng	TV HĐQT độc lập
BAN KIỂM SOÁT			
1	Ông	Phạm Hùng Minh	Trưởng BKS
2	Ông	Đậu Đức Chiến	Thành viên BKS
3	Bà	Vũ Hải Ngọc	Thành viên BKS
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC			
1	Ông	Lê Văn Danh	Tổng Giám đốc kiêm TV HĐQT
2	Ông	Cao Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc Sửa chữa & Công nghệ
3	Ông	Nguyễn Thanh Trùng Dương	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh - Thị trường điện
4	Bà	Nguyễn Thị Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc

TT	Họ Tên		Chức vụ
			Kinh tế - Tài Chính
5	Ông	Võ Minh Thắng	Phó Tổng Giám đốc Đầu tư - Xây dựng
KẾ TOÁN TRƯỞNG			
1	Bà	Vũ Phương Thảo	Kế toán trưởng

12.2 Sơ yếu lý lịch

❖ *Hội đồng Quản trị*

1. Ông Đinh Quốc Lâm - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: Đinh Quốc Lâm
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 19/7/1973
- Nơi sinh: Phú Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: T4, 906, tòa nhà The Vista, 628C Xa Lộ Hà Nội, P. An Phú, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
- CMND số: 025265528 Ngày cấp: 17/09/2010 Nơi cấp: CA. Tp. HCM
- Điện thoại liên hệ: 028 3636 7449
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Hệ thống điện
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/1996 - 6/1997	Ban Quản lý dự án các NMD Phú Mỹ - Bà Rịa.	Kỹ sư
6/1997 - 8/1998	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	Trưởng ca
9/1998 - 01/2002	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	Phó Quản đốc
02/2002 - 7/2005	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	Quản đốc
7/2005 - 4/2006	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	Trợ lý Giám đốc
4/2006 - 12/2011	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	Phó Giám đốc
01/2012 - 12/2012	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	Giám đốc
1/2013 - 30/9/2018	Tổng Công ty Phát điện 3	Tổng Giám đốc
01/10/2018 - 31/10/2019	Tổng Công ty Phát điện 3	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/11/2019 - 14/1/2020	Tổng Công ty Phát điện 3	Thành viên HĐQT thực hiện chức trách, nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT; Tổng Giám đốc
15/1/2020 - nay	Tổng Công ty Phát điện 3	Chủ tịch HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Sở hữu cá nhân: 28.455 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,003% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu đại diện cho EVN: 445.769.198 cổ phần, chiếm tỷ lệ 39,68% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Dương Hà Bảo Khanh	Em dâu	10.500	0,001
2	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Người đại diện phần vốn	1.114.422.994	99,19

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Lương, thưởng theo quy định Tổng Công ty.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

2. Ông Lê Văn Danh - Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Lê Văn Danh
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 03/3/1974
- Nơi sinh: Bình Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: A.1.19-04 - Tòa nhà Aqual - Chung cư Vinhomes Golden River - 02 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
- CCCD số: 052074000141 Ngày cấp: 29/5/2017 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Điện thoại liên hệ: : 028 3636 7449
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ QTKD, Kỹ sư Điện - Điện tử
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/1996 - 12/1996	Ban QLDA các Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ - Bà Rịa	Kỹ sư
12/1996 - 02/2000	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	Vận hành viên
3/2000 - 02/2001	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	Trưởng kíp
3/2001 - 01/2005	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	Trưởng ca
02/2005 - 02/2006	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	Phó Quản đốc phụ trách
3/2006 - 12/2011	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	Trưởng phòng KH-VT
01/2012 - 12/2012	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	Phó Giám đốc
01/2013 - 14/01/2020	Tổng Công ty Phát điện 3	Phó Tổng Giám đốc
15/01/2020 - nay	Tổng Công ty Phát điện 3	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Sở hữu cá nhân: 12.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,001% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu đại diện cho EVN: 334.326.898 cổ phần, chiếm tỷ lệ 29,76% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Hồ Hiếu Hạnh	Vợ	6.720	0,001
2	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Người đại diện phần vốn	1.114.422.994	99,19

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Lương, thưởng theo quy định Tổng Công ty.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

3. Ông Trương Quốc Phúc - Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: Trương Quốc Phúc
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 01/10/1961
- Nơi sinh: Tp. HCM

- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 183/1, Tân Thới 3, Tân Hiệp, Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh
- CMND số: 079061012602 Ngày cấp: 19/4/2021
- Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Điện thoại liên hệ: 028 3636 7449
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Hội đồng Quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
3/1982 - 3/1991	Sở Điện lực Vũng Tàu	Nhân viên
4/1991 - 4/1993	Sở Điện lực Vũng Tàu	Phó Trưởng phòng Kế toán
4/1993 - 6/2003	Nhà máy Nhiệt điện Bà Rịa	Trưởng phòng Kế toán
7/2003 - 6/2009	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	Kế toán trưởng
6/2009 - 12/2011	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	Phó Giám đốc
01/2012 - 12/2012	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	Chủ tịch công ty
01/2013 - 9/2018	Tổng Công ty Phát điện 3	Phó Tổng Giám đốc
10/2018 - nay	Tổng Công ty Phát điện 3	Thành viên HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Sở hữu cá nhân: 6.720 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0006% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu đại diện cho EVN: 167.163.449 cổ phần, chiếm tỷ lệ 14,88% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Người đại diện phần vốn	1.114.422.994	99,19

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Lương, thưởng theo quy định Tổng Công ty.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.

4. Ông Nguyễn Minh Khoa - Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: Nguyễn Minh Khoa

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 28/8/1974
- Nơi sinh: Bắc Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: P.209 - A11- Tập thể Khuong Thượng, P. Trung Tự, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội.
- CCCD số: 001074002147 Ngày cấp: 18/8/2014 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Điện thoại liên hệ: 024 669 46315
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ QTKD, Cử nhân Luật, Cử nhân Tiếng Anh
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
20/6/1996 - 30/6/2001	Công ty tư vấn Xây dựng Điện 1	Chuyên viên
01/7/2001 - 31/10/2004	Tổng Công ty Điện lực Việt Nam	Chuyên viên
01/11/2004 - 30/10/2006	Tổng Công ty Điện lực Việt Nam	Phó Trưởng ban TTBV-PC
1/11/2006 - 15/1/2007	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Phó Trưởng ban Pháp chế
15/01/2007 - 15/01/2008	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Phó Trưởng ban phụ trách Ban Pháp chế
15/01/2008 - 14/01/2020	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Trưởng ban Pháp chế
15/01/2020 - nay	Tập đoàn Điện lực Việt Nam; Tổng Công ty Phát điện 3	Trưởng ban Pháp chế Tập đoàn Điện lực Việt Nam kiêm Thành viên HĐQT Tổng Công ty Phát điện 3

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu đại diện cho EVN: 167.163.449 cổ phần, chiếm tỷ lệ 14,88% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Người đại diện phần vốn	1.114.422.994	99,19

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao, thưởng theo quy định Tổng Công ty
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có
- 5. Ông Đỗ Mộng Hùng - Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập**
- Họ và tên: Đỗ Mộng Hùng
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 30/1/1958
- Nơi sinh: Bắc Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 12 ngách 46/12 phố Hào Nam, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội.
- CMND số: 011735831 Ngày cấp: 25/10/2008
- Nơi cấp: CA. Tp. Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: 028 3636 7449
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Nhiệt điện
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
16/10/1988 - 15/8/1994	Trung tâm thí nghiệm điện, Công ty Điện lực 1	Kỹ sư
16/8/1994 - 31/1/1996	Trung tâm thí nghiệm điện, Công ty Điện lực 1	Trưởng phòng Kế hoạch
16/4/1996 - 15/7/2001	Tổng Công ty điện lực Việt Nam	Chuyên viên Ban Kỹ thuật Nguồn điện
16/7/2001 - 15/4/2004	Tổng Công ty điện lực Việt Nam	Phó Trưởng ban Kỹ thuật Nguồn điện
16/4/2004 - 21/6/2006	Tổng Công ty điện lực Việt Nam	Trưởng ban Kỹ thuật Nguồn điện
22/6/2006 - 30/9/2008	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Trưởng ban Kỹ thuật Nguồn điện
1/10/2008 - 30/4/2016	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Trưởng ban Kỹ thuật - Sản xuất
01/5/2016 - 31/01/2018	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Trợ lý TGĐ kiêm Trưởng ban An toàn

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/10/2018 - nay	Tổng Công ty Phát điện 3	Thành viên HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có.
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: không.
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao, thưởng theo quy định Tổng công ty.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: không.

❖ Ban Kiểm soát

1. Ông Phạm Hùng Minh - Trưởng Ban Kiểm soát

- Họ và tên: Phạm Hùng Minh
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 06/7/1970
- Nơi sinh: Bà Rịa - Vũng Tàu
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 630/1 Cách Mạng Tháng 8, P. Phước Trung, Tp. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- CMND số: 077070000951 Ngày cấp: 10/10/2018 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Điện thoại liên hệ: 028 3636 7449
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế đối ngoại
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Trưởng Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2/1992 - 8/1995	Phòng hậu cần bộ đội biên phòng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Hạ sĩ quan
9/1995 - 9/1996	Trường trung học biên phòng 2 - Bộ tư lệnh biên phòng	Thượng sỹ
10/1996 - 5/2000	Bộ đội biên phòng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Nhân viên quản lý tài chính

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
23/10/2000 - 31/03/2011	Phòng Vật tư, Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa	Chuyên viên
01/04/2011 - 31/12/2012	Phòng TC-KT, Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa	Chuyên viên
01/01/2013 - 01/06/2014	Phòng TC-KT, Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa	Phó phòng TC-KT
16/05/2014 - nay	Tổng Công ty Phát điện 3	Trưởng Ban Kiểm soát

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có.
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Lương, thưởng theo quy định Tổng Công ty.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.

2. Ông Đậu Đức Chiến - Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên: Đậu Đức Chiến
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 30/3/1977
- Nơi sinh: Nghệ An.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 34 ngách 158/169 phố Ngọc Hà, p. Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội
- CCCD số: 040077000115 Ngày cấp: 29/6/2015 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Điện thoại liên hệ: 024 669 46315
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kỹ thuật điện, Kỹ sư hệ thống điện
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chuyên viên Ban QLXD - Tập đoàn Điện lực Việt Nam
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
5/2002 - 2/2008	Công ty Truyền tải điện 1	Nhân viên
3/2008 - 30/9/2018	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Chuyên viên Ban QLXD
01/10/2018 - nay	Tập đoàn Điện lực Việt Nam; Tổng Công ty Phát điện 3	Chuyên viên Ban QLXD EVN kiêm Thành viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty Phát điện 3

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có.
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao, thưởng theo quy định Tổng Công ty.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.

3. Bà Vũ Hải Ngọc - Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên: Vũ Hải Ngọc
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 30/7/1971
- Nơi sinh: Thanh Hóa
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: số nhà 20/686/18 Bạch Đằng, P. Bạch Đằng, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
- CCCD số: 038171000046 Ngày cấp: 06/9/2014
- Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Điện thoại liên hệ: 024 669 46025
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ QTKD, Cử nhân TC-KT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
12/1992 - 7/1997	Công ty Điện lực Ba Đình	Nhân viên thu ngân
7/1997 - 12/2001	Công ty Điện lực Ba Đình	Nhân viên Phòng kinh doanh
01/2002 - 12/2004	Công ty Điện lực Ba Đình	Kế toán viên

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1/2005 - 15/3/2014	Công ty Điện lực Ba Đình	Phó Phòng TC-KT
16/3/2014 - 30/9/2018	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ
Từ 1/10/2018 - nay	Tập đoàn Điện lực Việt Nam; Tổng Công ty Phát điện 3	Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ EVN kiêm Thành viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty Phát điện 3

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có.
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không.
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao, thưởng theo quy định Tổng Công ty.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không.

❖ Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Lê Văn Danh - Tổng Giám đốc

(Sơ yếu lý lịch đã trình bày ở Mục 2 Phần Hội đồng Quản trị)

2. Ông Cao Minh Trung - Phó Tổng Giám đốc Sửa chữa & Công nghệ

- Họ và tên: Cao Minh Trung
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 18/9/1963
- Nơi sinh: Tp. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 332 Dương Bá Trạc, p.1, Quận 8. Tp. HCM
- CMND số: 079063012720 Ngày cấp: 13/01/2021
- Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Điện thoại liên hệ: 028 3636 7449
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ QTKD, Kỹ sư Cơ khí Chế tạo máy
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1/1981 - 3/1982	Nhà máy điện Chợ quán	Công nhân
4/1982 - 3/1983	Đi bộ đội	
4/1983 - 12/1992	Nhà máy điện Chợ quán	Công nhân
1/1992 - 1996	Nhà máy điện Chợ quán	Kỹ sư
1996 - 3/1997	Ban QLDA các nhà máy Phú Mỹ- Bà Rịa	Kỹ sư
4/1997- 2/2005	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	Phó Quản đốc PX sửa chữa cơ nhiệt
02/2005- 12/2011	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	Quản đốc PX sửa chữa cơ nhiệt
01/2012 - 12/2012	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	Phó Giám đốc
01/2013 - nay	Tổng Công ty Phát điện 3	Phó Tổng Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
 - Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Sở hữu cá nhân: 23.415 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,002% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có.
 - Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
 - Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Lương, thưởng theo quy định Tổng Công ty
 - Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- 3. Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương - Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh - Thị trường điện**
- Họ và tên: Nguyễn Thanh Trùng Dương
 - Giới tính: Nam
 - Ngày sinh: 13/4/1970
 - Nơi sinh: Đà Nẵng
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Chung cư Feliz en Vista, 01 Đ. Phan Văn Đáng, TP Thủ Đức, TP. HCM
 - CMND số: 200996021 Ngày cấp: 22/9/2012
 - Nơi cấp: CA. Tp. Đà Nẵng
 - Điện thoại liên hệ: 028 3636 7449

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Mạng và Hệ thống điện, Kỹ sư Kỹ thuật điện
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
7/1993-6/2003	Trung tâm thí nghiệm điện 3	Kỹ sư
6/2003-11/2004	Trung tâm thí nghiệm điện 3	Phó Trưởng phòng KT
11/2004-7/2007	Ban QLDA Thủy điện 3	Chuyên viên
8/2007-1/2008	Ban CBSX các NMTĐ trên sông Vu Gia - Thu Bồn	Quản đốc Phân xưởng Điện - Tự động
2/2008-2/2010	Ban Quản lý dự án Thủy điện A Vương	Phó Trưởng ban, kiêm Quản đốc Phân xưởng Điện - Tự động
3/2010-7/2012	Ban Quản lý dự án Thủy điện A Vương	Phó Trưởng ban, kiêm Giám đốc Trung tâm Bảo trì Thủy điện và Dịch vụ Kỹ thuật
01/2013 - nay	Tổng Công ty Phát điện 3	Phó Tổng Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Sở hữu cá nhân: 16.170 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,001% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có.
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Lương, thưởng theo quy định Tổng Công ty
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.

4. Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Phó Tổng Giám đốc Kinh tế - Tài chính

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Hương
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 25/8/1977
- Nơi sinh: Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: P.An Khánh, TP. Thủ Đức, TP.HCM
- CCCD số: 022177002276 Ngày cấp: 23/4/2018

- Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Điện thoại liên hệ: 028 3636 7449
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ QTKD, Cử nhân Kế toán XDCB, Cử nhân Tiếng anh
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2001 - 4/2007	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	Nhân viên kế toán
5/2007 - 5/2010	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	Phó Trưởng phòng TC-KT
06/2010 - 12/2012	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	Kế toán trưởng
01/2013 - 9/2018	Tổng Công ty Phát điện 3	Kế toán trưởng
10/2018 - nay	Tổng Công ty Phát điện 3	Phó Tổng Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Sở hữu cá nhân: 10.080 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,001% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Châu Thiên Minh Trí	Chồng	2.100	0,0002
2	Nguyễn Thanh Hà	Em ruột	3.570	0,0003

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Lương, thưởng theo quy định Tổng Công ty
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.

5. Ông Võ Minh Thắng - Phó Tổng Giám đốc Đầu tư - Xây dựng

- Họ và tên: Võ Minh Thắng
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 06/01/1977
- Nơi sinh: Bà Rịa - Vũng Tàu
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tân Phú, Bàu Chinh, Châu Đức, Bà Rịa - Vũng Tàu.

- CCCD số: 273020144 Ngày cấp: 05/01/2013
- Nơi cấp: CA. tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- Điện thoại liên hệ: 028 3636 7449
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ QTKD, Kỹ sư Điện - Điện tử
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
4/2001 - 12/2004	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	Vận hành viên
01/2005 - 05/2007	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	Trải qua các chức danh Chuyên viên kỹ thuật C&I, Trưởng Kíp, Trưởng ca Phân xưởng vận hành 1
5/2007 - 12/2011	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	Phó Quản đốc Phân xưởng vận hành 1
1/2012 - 12/2012	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	Quản đốc Phân xưởng vận hành 1
1/2013 - 1/2014	Tổng Công ty Phát điện 3	Phó Trưởng ban KD-TTĐ
1/2014 - 8/2015	Tổng Công ty Phát điện 3	Trưởng ban KD-TTĐ
8/2015 - 6/2019	Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân, Tổng Công ty Phát điện 3	Phó Giám đốc phụ trách
7/2019- 13/4/2021	Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân, Tổng Công ty Phát điện 3	Giám đốc
14/4/2021 đến nay	Tổng Công ty Phát điện 3	Phó TGD kiêm Giám đốc Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Sở hữu cá nhân: 12.180 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,001% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ;
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có.
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Lương, thưởng theo quy định Tổng Công ty
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

❖ **Kế toán trưởng**

1. Bà Vũ Phương Thảo - Kế toán trưởng

- Họ và tên: Vũ Phương Thảo
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 20/12/1983
- Nơi sinh: Khánh Hòa
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 12, Khu phố Tân Hạnh, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- CCCD số: 273624575 Ngày cấp: 01/8/2013
- Nơi cấp: CA. tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- Điện thoại liên hệ: 028 3636 7449
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
7/2006 - 6/2007	Công ty liên doanh gạch men Mỹ Đức	Kế toán
7/2007 - 12/2007	Công ty TNHH Thương Mại Bảo Thu	Kế toán
1/2008 - 12/2012	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	Chuyên viên
01/2013 - 09/2014	Tổng Công ty Phát điện 3	Phó Trưởng phòng Ban TC-KT
10/2014 - 9/2018	Tổng Công ty Phát điện 3	Phó Trưởng ban TC-KT
10/2018-14/8/2020	Tổng Công ty Phát điện 3	Trưởng ban TC-KT
15/8/2020 - nay	Tổng Công ty Phát điện 3	Kế toán trưởng

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Sở hữu cá nhân: 945 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0001% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Lương, thưởng theo quy định Công ty.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.

13. Tài sản

13.1 Thực trạng về tài sản cố định

Nguyên giá và giá trị còn lại tài sản cố định của Tổng Công ty theo BCTC tính đến thời điểm 31/12/2020 và 30/9/2021 được thể hiện như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Khoản mục	31/12/2020		30/9/2021	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Tài sản cố định hữu hình	113.603,10	48.093,84	113.751,78	44.866,08
1.1	Nhà cửa, vật kiến trúc	20.625,82	12.897,90	20.638,40	12.371,71
1.2	Máy móc và thiết bị	85.967,28	31.947,16	86.086,66	29.489,78
1.3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6.739,02	3.148,72	6.741,44	2.916,97
1.4	Thiết bị quản lý	241,06	79,00	249,28	63,57
1.5	Khác	29,93	21,06	36	24,05
2	Tài sản cố định vô hình	141,52	104,86	636,79	591,74
2.1	Quyền sử dụng đất	79,98	65,16	569,05	553,24
2.2	Phần mềm máy tính	38,22	25,57	44,12	26,42
2.3	Bản quyền chuyển giao công nghệ	8,85	2,46	8,85	1,20
2.4	Khác	14,47	11,68	14,75	10,87
Tổng cộng		113.744,62	48.198,70	113.836,13	46.033,07

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2021 của EVNGENCO3

Một số tài sản cố định lớn của Tổng Công ty như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

ST T	Khoản mục	31/12/2020		30/9/2021	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	9.370	6.590	9.371	6.431
1.1	PM_Nhà tuabin hơi (ĐH-PM2.1)	458	86	458	79,26
1.2	BK_BK. Đập chính (bằng đất và nguyên liệu khác)	450	219	450	213

ST T	Khoản mục	31/12/2020		30/9/2021	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1.3	BK_BTS. Đập chính (băng đất và nguyên liệu khác)	1.292	652	1.292	635
1.4	VT_Cảng nhập Than Vĩnh Tân	4.724	3.864	4.725	3.786
1.5	VT_Công trình Hệ thống nước làm mát	438	132	438	116
1.6	VT_Nhà Turbine	1.562	1.260	1.562	1.233
1.7	MD_Nhà bơm tuần hoàn (Tổ máy 1)	445	377	445	369
2	Máy móc và thiết bị	65.566	26.684	65.562	24.686
2.1	PM_Tuabin máy phát GT2.1 & GT2.2	1.188	-	1.188	-
2.2	PM_Tuabin máy phát tổ máy GT24 & GT25	822	-	822	-
2.3	PM_Tuabin khí số 1 & thiết bị phụ (PM4)	1.089	-	1.089	-
2.4	PM_Tuabin khí số 2 & các thiết bị phụ (PM4)	1.090	-	1.090	-
2.5	PM_GT11 và thiết bị phụ trợ	1.559	-	1.559	-
2.6	PM_GT12 và Thiết bị phụ	1.532	-	1.532	-
2.7	PM_GT13 và thiết bị phụ trợ	1.506	-	1.506	-
2.8	PM_Lò thu hồi nhiệt & thiết bị phụ trợ (ĐH-PM2.1)	1.220	-	1.220	-
2.9	PM_Máy phát ST1 và thiết bị phụ trợ (PM1)	624	-	624	-
2.10	PM_Tuabin hơi và thiết bị phụ (ĐH-2.1MR)	1.894	-	1.894	-
2.11	PM_Lò thu hồi nhiệt (ĐH-2.1MR)	779	-	779	-
2.12	PM_Lò thu hồi nhiệt 11, 12, 13 và thiết bị phụ (PM1)	1.600	-	1.600	-
2.13	PM_Hệ thống nước làm mát (PM1)	1.332	-	1.332	-

ST T	Khoản mục	31/12/2020		30/9/2021	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
2.14	PM_Thiết bị DCS; C&I và C&I khối 1(PM1)	504	-	504	-
2.15	PM_Tuabin hơi & các thiết bị phụ (PM4)	856	-	856	-
2.16	PM_Tuabin hơi & các thiết bị phụ (ĐH-PM21)	1.201	-	1.201	-
2.17	PM_ST1 và thiết bị phụ trợ	1.045	-	1.045	-
2.18	PM_Thiết bị điện trạm biến áp của TBK-PM1	759	-	759	-
2.19	PM_Thiết bị điện trạm ST1	1.550	-	1.550	-
2.20	BK_BTS. Thiết bị cơ điện Buôn Tua Srah	712	260	712	238
2.21	BK BK. Thiết bị cơ điện Buôn Kuốp	1.043	347	1.043	316
2.22	BK_SP3. Thiết bị cơ điện	1.165	394	1.165	364
2.23	BK BK. Tuyến năng lượng Buôn Kuốp	1.991	833	1.991	799
2.24	BK_BTS. Tuyến năng lượng Buôn Tua Srah	581	266	581	255
2.25	BK_SP3. Tuyến năng lượng	1.073	526	1.073	506
2.26	VT_Hệ thống Điều khiển và Đo lường	945	395	945	322
2.27	VT_Hệ thống khử khói	658	353	658	309
2.28	VT_Hệ thống khử lưu huỳnh	1.525	819	1.525	717
2.29	VT_Hệ thống Lò hơi TM1	4.327	2.738	4.326	2.511
2.30	VT_Hệ thống lọc bụi tĩnh điện	573	308	573	270
2.31	VT_Hệ thống Máy phát điện TM1	571	413	571	391
2.32	VT_Hệ thống Turbine TM1	1.771	1.109	1.771	1.017
2.33	VT_Lò hơi (TM2)	4.259	2.720	4.258	2.499

ST T	Khoản mục	31/12/2020		30/9/2021	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
2.34	VT_Máy phát điện (TM2)	571	416	571	394
2.35	VT_Tuabin (TM2)	1.771	1.125	1.771	1.033
2.36	MD_Tuabin máy phát số 1 và thiết bị phụ, gian tuabin (Tổ máy 1)	3.155	2.343	3.155	2.225
2.37	MD_Hệ thống điện (Tổ máy 1)	918	602	918	556
2.38	MD_Tuabin máy phát số 2 và thiết bị phụ, gian tuabin (Tổ máy 2)	3.126	2.338	3.126	2.221
2.39	MD_Hệ thống điện (Tổ máy 2)	918	611	918	565
2.40	MD_Lò hơi 1A và thiết bị phụ, lọc bụi ESP (Tổ máy 1)	3.061	2.031	3.061	1.876
2.41	MD_Lò hơi 1B và thiết bị phụ, lọc bụi ESP (Tổ máy 1)	2.916	1.906	2.916	1.760
2.42	MD_Lò hơi 2A và thiết bị phụ, lọc bụi ESP (Tổ máy 2)	2.894	1.915	2.894	1.771
2.43	MD_Lò hơi 2B và thiết bị phụ, lọc bụi ESP (Tổ máy 2)	2.894	1.915	2.894	1.771

Nguồn: EVNGENCO3

13.2 Đất đai Tổng Công ty đang quản lý và sử dụng

Đất đai EVNGENCO 3 đang quản lý và sử dụng bao gồm:

STT	Địa chỉ lô đất	Diện tích (m2)	Hình thức sử dụng đất	Thời hạn
1	Trụ sở Tổng Công ty TP. Hồ Chí Minh	1.713,5	Nhận chuyển nhượng	Lâu dài và đến 2061
2	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	1.057.520,5		
2.1	Các Nhà máy điện Phú Mỹ	955.751	Thuê đất	Đến 2050
2.2	Khu Quản lý vận hành Phú Mỹ 1	17.863,1	Giao đất	Lâu dài
2.3	Khu Quản lý vận hành Phú Mỹ 4	72.713,4	Thuê đất và Giao đất	Lâu dài và đến 2057
2.4	Kênh thải nước làm mát	11.193	Thuê lại đất	Đến 2048

STT	Địa chỉ lô đất	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng đất	Thời hạn
3	Công ty Thủy điện Buôn Kuốp Tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng	64.576.058		
3.1	Khu quản lý vận hành các nhà máy thủy điện trên sông Srêpôk	20.184	Thuê đất	Đến 2057
3.2	Công trình thủy điện Buôn Kuốp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông	961.741	Thuê đất	Đến 2053 và 2073
3.3	Lòng hồ thủy điện Buôn Kuốp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông	5.577.891	Giao đất	Đến 2073
3.4	Công trình thủy điện Buôn Tua Srah trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông	690.137	Thuê đất	Đến 2063 và 2075
3.5	Lòng hồ thủy điện Buôn Tua Srah trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng	37.956.437	Giao đất	Đến 2062, 2063 và 2075
3.6	Công trình thủy điện Srêpôk 3 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông	651.594,9	Thuê đất	Đến 2056 và 2076
3.7	Lòng hồ thủy điện Srêpôk 3 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông	18.718.073	Giao đất	Đến 2056 và 2076
4	Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân/Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân Tỉnh Bình Thuận	4.204.340,6		
4.1	Trụ sở Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân	1.900,5	Thuê đất	Đến 2080
4.2	Cảng nhập than - Trung tâm điện lực Vĩnh Tân	1.959.992	Thuê đất	Đến 2080
4.3	Hạng mục Hồ thu nước và Tuyến ống nước thuộc Dự án Tuyến nước phục vụ thi công Trung tâm điện lực Vĩnh Tân	35.122,8	Thuê đất	Đến 2059
4.4	Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2	1.587.396,1	Thuê đất	Đến 2081
4.5	Khu Quản lý vận hành Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 và Vĩnh Tân 4	79.975,9	Thuê đất	Đến 2083
4.6	Đường vào bãi xỉ Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2	48.459,1	Thuê đất	Đến 2081

STT	Địa chỉ lô đất	Diện tích (m2)	Hình thức sử dụng đất	Thời hạn
4.7	Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Tân 2	490.752,7	Thuê đất	Đến 2068
4.8	Móng trụ đường dây 110kV - Dự án Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Tân 2	741,5	Thuê đất	Đến 2068
5	Ban Quản lý dự án Nhiệt điện 1/ Công ty Nhiệt điện Mông Dương Tỉnh Quảng Ninh	3.640.572,7		
5.1	Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 1; Khu nhà ở Cán bộ nhân viên; Khu vực bãi thải xỉ; Kênh dẫn nước làm mát; Kênh thải nước làm mát; Khu vực nắn dòng sông Mông Dương	2.000.844	Thuê đất	Đến 2037
5.2	Hệ thống cung cấp nước ngọt phục vụ Dự án Trung tâm điện lực Mông Dương	1.639.728,7	Thuê đất	-

Nguồn: EVNGENCO3

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

14.1 Định hướng và phát triển

Tổng Công ty quyết liệt triển khai thực hiện các nhóm giải pháp phù hợp để nâng cao các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, chỉ tiêu chi phí O&M, chỉ tiêu năng suất lao động, các chỉ tiêu tài chính của Tổng Công ty theo kế hoạch ĐHDCĐ giao. Cụ thể:

- Đảm bảo vận hành ổn định, tin cậy và kinh tế các nhà máy điện thông qua triển khai các đề án: Giảm suất sự cố, giảm suất hao nhiệt, sửa chữa bảo dưỡng các tổ máy theo chương trình nâng cao độ tin cậy RCM, tối ưu chu kỳ Roll-in & Roll-out vật tư chính các tổ máy tuabin khí để tiết giảm chi phí, hoàn thiện hệ thống thiết bị và quy trình vận hành đốt than trộn tại các NMNĐ đốt than, đầu tư lắp đặt các hệ thống thiết bị để giảm điện tự dùng của các NMNĐ,...
- Nâng cao chất lượng công tác sửa chữa thường xuyên; Đảm bảo tiến độ, chất lượng sửa chữa lớn thông quan phát triển nguồn nội lực, đặc biệt trong bối cảnh đại dịch Covid-19 bùng phát nên có khó khăn trong chuyên gia và vật tư chính hãng; Tăng cường và nâng cao năng lực gia công phục hồi để tiết giảm chi phí mua mới.
- Xây dựng và triển khai chiến lược chào giá trong thị trường điện có hiệu quả và tối đa hóa lợi nhuận.
- Triển khai kế hoạch đảm bảo nhiên liệu cho sản xuất của các NMNĐ;

- + Tiếp tục chương trình nhập khẩu than cho NMNĐ Vĩnh Tân 2 với khối lượng khoảng 1,5 triệu tấn/năm, đối với nguồn than trong nước, ngoài mua qua Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Tổng Công ty Đông Bắc theo các Hợp đồng dài hạn, EVNGENCO3 sẽ triển khai mua than từ các nguồn khác trong nước với khối lượng khoảng 0,5 triệu tấn/năm.
- + Nhiên liệu khí cho các NMNĐ Phú Mỹ: Bên cạnh việc tiêu thụ phần lớn bằng nguồn khí thiên nhiên trong nước thông qua hợp đồng với Tổng Công ty Khí Việt Nam (PVGas) để ưu tiên sử dụng tài nguyên quốc gia, EVNGENCO3 sẽ triển khai mua nguồn khí thiên nhiên hóa lỏng LNG nhập khẩu để bù đắp cho phần khí trong nước thiếu hụt so với nhu cầu sản xuất điện do các mỏ khí khu vực Đông Nam Bộ ngày càng suy giảm.
- Tăng cường công tác Quản trị dòng tiền trong toàn Tổng Công ty. Thực hiện các giải pháp đồng bộ để giảm giá trị tồn kho để tăng hiệu quả sử dụng nguồn vốn; tối ưu hóa chi phí trong hoạt động SXKD.
- Đảm bảo các chỉ tiêu tài chính: Hệ số bảo toàn vốn ≥ 1 ; Khả năng thanh toán ngắn hạn > 1 ; Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu phần đầu < 3 lần vào năm 2023; Phần đầu đạt tỷ lệ cổ tức bình quân 10% (tùy thuộc vào kết quả SXKD hàng năm, tỷ lệ chi trả cổ tức sẽ được ĐHĐCĐ quyết định).
- Công tác quản lý môi trường: Tuân thủ và chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, duy trì thực hiện tốt tiêu chuẩn ISO 14000; đẩy mạnh các giải pháp tiêu thụ tro xỉ ổn định, dài hạn cho NMNĐ Vĩnh Tân 2 và Mông Dương 1 mang tính căn cơ và đạt hiệu quả cao, phần đầu tối thiểu 90% lượng tro xỉ phát sinh trong vận hành phải được tiêu thụ.
- Phối hợp với các đối tác trong tổ hợp nhà đầu tư triển khai xúc tiến đầu tư Dự án Nhà máy điện khí LNG tại TTĐL Long Sơn - Giai đoạn 1 theo tiến độ đã được phê duyệt tại văn bản số 479/TTg-CN ngày 23/4/2020; Xúc tiến đưa vào Quy hoạch điện VIII các dự án TTĐL Long Sơn các giai đoạn sau và mở rộng tại các NMNĐ Buôn Kuốp và Srêpôk 3 để triển khai công tác đầu tư xây dựng; Xúc tiến nghiên cứu hợp tác với các đối tác phù hợp để đầu tư các dự án thủy điện nhỏ đã có trong quy hoạch, các dự án điện gió đã được phê duyệt bổ sung quy hoạch và các dự án điện gió trên bờ/ngoài khơi khác theo Quy hoạch điện VIII.
- Đẩy mạnh việc triển khai có hiệu quả các nội dung trong Đề án chuyển đổi số và ứng dụng kết quả của CMCN4.0 vào sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty: Thực hiện lộ trình số hóa công tác Quản trị, điều hành; Thiết lập Trung tâm giám sát và chẩn đoán từ xa dựa trên dữ liệu vận hành thời gian thực của các NMNĐ Vĩnh Tân 2 và Mông Dương 1 đã được thu thập để quản lý, tính toán vận hành tối ưu, quyết định hiệu chuẩn và sửa chữa thiết bị...; Áp dụng Hệ thống thực tế ảo Digital Worker hỗ trợ công tác vận hành và bảo dưỡng từ xa; Xây dựng hệ thống dự báo thủy văn - hồ chứa các NMNĐ;...

- Tăng cường công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực kiểm tra đánh giá, vận hành - sửa chữa bảo dưỡng, gia công phục hồi theo hướng làm chủ công nghệ để phát triển bền vững thị trường cung cấp dịch vụ sửa chữa, vận hành dài hạn cho các khách hàng là những nhà máy nhiệt than, nhiệt điện khí, thủy điện.
- Tiếp tục đẩy mạnh đào tạo và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của Tổng Công ty: Quản trị chuyên nghiệp, sắp xếp lao động tối ưu, chuyên nghiệp, gắn tiền lương, thu nhập, cơ hội phát triển nghề nghiệp với hiệu quả công việc của từng cá nhân...

14.2 Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh chính:

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2021 và 2022 cho Công ty mẹ với các chỉ tiêu như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021 (*)		Kế hoạch năm 2022	
				Giá trị	% tăng/giảm so với năm 2020	Giá trị	% tăng/giảm so với KH năm 2021
1	Sản lượng điện	Triệu kWh	31.103	29.654	-4,66%	31.552	6,40%
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	38.950	39.791	2,16%	43.714	9,86%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.694	1.311	-22,61%	1.372	4,64%
4	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế / Tổng Doanh thu	%	4,4%	3,3%	-24,24%	3,1%	-4,75%
5	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	%	13,6%	9,6%	-29,19%	9,7%	0,68%
6	Cổ tức (%)		10%	7%		7%	

Nguồn: EVNGENCO3

Ghi chú:

- (*) Kế hoạch năm 2021 đã được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 số 52/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/05/2021 của Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP. Tổng Công ty Phát điện 3 dự kiến chia cổ tức năm 2021 không thấp hơn 7%.

Cần cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

- Thực hiện các công trình sửa chữa lớn của nhà máy điện đảm bảo an toàn, chất lượng và tiến độ.

- Tiếp tục triển khai đề án nâng cao độ tin cậy và hiệu suất vận hành các NMNĐ than của Tổng Công ty.
- Đẩy mạnh việc triển khai công tác sửa chữa theo hình thức RCM tại các nhà máy nhiệt điện than.
- Phối hợp với EVN làm việc với các cấp có thẩm quyền để xem xét phê duyệt phương án tái cơ cấu trong giai đoạn 2021-2025 (theo phương thức phát hành tăng vốn điều lệ/giảm tỷ lệ sở hữu của EVN) nhằm lành mạnh hóa tài chính và nâng cao năng lực, sức hấp dẫn của EVNGENCO 3 trên thị trường.
- Tối ưu hóa chi phí tại các đơn vị để đảm bảo kế hoạch lợi nhuận, cổ tức của Tổng Công ty.
- Tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng CMCN 4.0 vào hoạt động sản xuất.
- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác Quản trị và quản lý để nâng cao hiệu suất lao động và hiệu quả SXKD, trong đó tăng cường công tác kiểm soát chi phí, sử dụng hiệu quả nguồn lực.
- Tập trung đào tạo theo hướng chuyên sâu; đào tạo, học tập thực tế tại các mỏ than, các nước cung cấp LNG để nâng cao năng lực quản lý và cung ứng nhiên liệu; chiến lược chào giá trên thị trường điện ... đảm bảo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của TCT; đẩy mạnh đào tạo và tổ chức các cuộc thi thông qua hệ thống E-learning.

14.3 Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua

- Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2021 của Tổng Công ty như sau:

Stt	Nội dung	KH 2021 (Triệu đồng)
1	Trả nợ gốc vay	5.319.978
2	Đầu tư thuần	769.844
TỔNG CỘNG		6.089.822

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 số 52/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/05/2021 của Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP

Đối với kế hoạch đầu tư các năm tiếp theo, căn cứ theo tiến độ phê duyệt cụ thể của mỗi dự án, Tổng Công ty sẽ cân đối vào kế hoạch thực hiện hàng năm để trình ĐHĐCĐ thông qua trước khi thực hiện. Với tình hình tài chính hiện nay, EVNGENCO3 đảm bảo khả năng cân đối vốn tham gia đầu tư vào các dự án như nêu tại mục 14.1.

14.4 Kết quả hoạt động 9 tháng đầu năm 2021

Trong 9 tháng đầu năm 2021, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty rất tích cực, cụ thể:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2021	%Thực hiện/Kế hoạch năm 2021
----------	----------------	----------------------	--------------------------------------	------------------------------------

Sản lượng điện sản xuất	Triệu kWh	29.654	20.088	67,74%
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	39.791	28.295	71,11%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.535	2.863	186,51%

Nguồn: EVNGENCO3

Với những giải pháp kể trên cùng với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tích cực trong 9 tháng đầu năm 2021, Tổng Công ty cho rằng khả năng hoàn thành kế hoạch năm 2021 là khả thi.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Trong năm 2021, Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần sẽ tập trung đẩy mạnh công tác quản lý và áp dụng các giải pháp kỹ thuật để giảm suất hao nhiên liệu của các nhà máy nhiệt điện than nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường điện. Đây là giải pháp then chốt để hoàn thành kế hoạch được ĐHCĐ thông qua. Đó là tiếp tục áp dụng đốt than trộn tại CTND Vĩnh Tân, thử nghiệm triển khai tại CTND Mông Dương; Đối với công tác sửa chữa bảo dưỡng sẽ đẩy mạnh áp dụng hình thức tập trung vào độ tin cậy (RCM) để nâng cao hệ số khả dụng của các tổ máy và giảm chi phí sửa chữa. Bên cạnh đó là các giải pháp về chào giá trên thị trường điện cũng như lựa chọn cấu hình vận hành để giảm suất tiêu hao nhiên liệu cũng như tối ưu thời gian vận hành cho phép của thiết bị tổ máy tuabin khí.

Trên cơ sở thu thập thông tin, phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần, cùng với việc phân tích thị trường, VCBS cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần dự kiến trong năm 2021 và 2022 là khả thi nếu không gặp phải những rủi ro không lường trước được và những yếu tố bất khả kháng khác, và Tổng Công ty cũng đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông như kế hoạch.

Chúng tôi lưu ý rằng nhận xét trên của chúng tôi chỉ có tính chất tham khảo cho các nhà đầu tư, dựa trên cơ sở các thông tin thu thập được. Chúng tôi không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổng Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết

Không có.

V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng.

3. Tổng số chứng khoán niêm yết

Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết là 1.123.468.046 cổ phiếu.

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết

Căn cứ:

- Danh sách cổ đông chốt tại ngày 17/9/2021 bởi Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam;
- Công văn số 2985/GENCO3-KH ngày 20/10/2021 của Tổng Công ty Phát điện 3 về việc điều chỉnh loại chứng khoán cho người sở hữu chứng khoán;
- Công văn số 5464/CNVSD-ĐK ngày 25/10/2021 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh tại TP.HCM về việc thay đổi loại chứng khoán – mã CK: PGV.

- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của CBCNV: **70.400 cổ phiếu.**

- + Lý do hạn chế chuyển nhượng: là số cổ phiếu mà CBCNV được mua theo số năm cam kết làm việc lâu dài của CBCNV theo phương án cổ phần hóa.
- + Thời gian hạn chế chuyển nhượng: kể từ ngày 27/9/2018 (theo Giấy Chứng nhận ĐKKD của Công ty Cổ phần) cho đến hết thời gian cam kết làm việc lâu dài của CBCNV.
- + Số lượng cổ phiếu niêm yết bị hạn chế chuyển nhượng theo số năm như sau:
 - ✓ *Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng 10 năm đến ngày 27/9/2028: 55.000 cổ phiếu;*
 - ✓ *Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng 8 năm đến ngày 27/9/2026: 4.000 cổ phiếu;*
 - ✓ *Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng 5 năm đến ngày 27/9/2023: 7.000 cổ phiếu;*
 - ✓ *Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng 4 năm đến ngày 27/9/2022: 4.400 cổ phiếu;*

Ngoài số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo đề án cổ phần hóa của Tổng Công ty nêu trên, thì số cổ phiếu do các thành viên HĐQT, Ban TGD, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng, cổ đông lớn là người có liên quan đến cổ đông nội bộ được các thành viên cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết là **110.565** cổ phiếu (chiếm **0,01%** vốn điều lệ Tổng Công ty) và cam kết nắm giữ 50% số cổ phiếu này

trong thời gian 6 tháng tiếp theo là **55.283** cổ phiếu (chiếm **0,005%** vốn điều lệ Tổng Công ty).

Số lượng cổ phiếu do các thành viên HĐQT, Ban TGD, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng, cổ đông lớn là người có liên quan đến cổ đông nội bộ được các thành viên cam kết nắm giữ như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ nắm giữ tại tổ chức niêm yết	Số cổ phần tự do chuyển nhượng	Số cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng (1)	Tổng số cổ phiếu sở hữu (2)	Tỷ lệ sở hữu (%)	SLCP cam kết nắm giữ 100% trong 6 tháng kể từ ngày niêm yết	SLCP cam kết nắm giữ 50% trong 6 tháng tiếp theo
1	Đình Quốc Lâm	Chủ tịch HĐQT	23.455	5.000	28.455	0,003%	28.455	14.228
2	Lê Văn Danh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	12.600	-	12.600	0,001%	12.600	6.300
3	Trương Quốc Phúc	Thành viên HĐQT	6.720	-	6.720	0,0006%	6.720	3.360
4	Nguyễn Minh Khoa	Thành viên HĐQT	-	-	-	-	-	-
5	Đỗ Mộng Hùng	Thành viên HĐQT	-	-	-	-	-	-
6	Cao Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc	23.415	-	23.415	0,002%	23.415	11.708
7	Nguyễn Thanh Trùng Dương	Phó Tổng Giám đốc	11.170	5.000	16.170	0,001%	16.170	8.085

TT	Họ và tên	Chức vụ nắm giữ tại tổ chức niêm yết	Số cổ phần tự do chuyển nhượng	Số cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng (1)	Tổng số cổ phiếu sở hữu (2)	Tỷ lệ sở hữu (%)	SLCP cam kết nắm giữ 100% trong 6 tháng kể từ ngày niêm yết	SLCP cam kết nắm giữ 50% trong 6 tháng tiếp theo
8	Nguyễn Thị Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc	10.080	-	10.080	0,001%	10.080	5.040
9	Võ Minh Thắng	Phó Tổng Giám đốc	7.180	5.000	12.180	0,001%	12.180	6.090
10	Phạm Hùng Minh	Trưởng Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	-
11	Đậu Đức Chiến	Thành viên BKS	-	-	-	-	-	-
12	Vũ Hải Ngọc	Thành viên BKS	-	-	-	-	-	-
13	Vũ Phương Thảo	Kế toán trưởng	945	-	945	0,0001%	945	473
Tổng cộng			95.565	15.000	110.565	0,01%	110.565	55.283

Nguồn: EVNGENCO3

Ghi chú:

(1) *Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: là số cổ phiếu mà CBCNV được mua theo số năm cam kết làm việc lâu dài tại Tổng Công ty theo phương án cổ phần hóa và bị hạn chế chuyển nhượng theo số năm cam kết làm được.*

(2) *Tổng số cổ phiếu sở hữu: là số lượng cổ phiếu sở hữu của cá nhân, không bao gồm số cổ phiếu đại diện sở hữu của Nhà nước.*

5. Phương pháp tính giá

Giá tham chiếu dự kiến của cổ phiếu PGV được xác định dựa trên 2 phương pháp tính giá, bao gồm: phương pháp giá trị sổ sách tại thời điểm 30/9/2021 và phương pháp giá theo thị trường là bình quân giá tham chiếu của 20 (hai mươi) phiên giao dịch gần nhất trước khi hủy đăng ký giao dịch trên SGDCK Hà Nội.

Lưu ý: Các phương pháp tính giá này chỉ nhằm mục đích tham khảo. Giá tham chiếu chính thức còn phụ thuộc vào yếu tố cung - cầu trên thị trường chứng khoán và thời điểm tính giá sẽ được xác định trên cơ sở cổ phiếu PGV hủy đăng ký giao dịch trên SGDCK Hà Nội.

a. Giá trị sổ sách cổ phiếu:

Giá trị sổ sách của cổ phiếu PGV được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị 1 cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

 Tại ngày 30/9/2021 (Theo BCTC hợp nhất):

Giá trị vốn chủ sở hữu của PGV tại 30/9/2021 là: **16.780.534.883.528** đồng.

Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại 30/9/2021 là: **1.123.468.046** cổ phiếu.

Vậy, giá trị sổ sách của cổ phiếu PGV tại thời điểm 30/9/2021 (theo BCTC hợp nhất) là:

$$\text{Giá trị 1 cổ phiếu} = \frac{16.780.534.883.528}{1.123.468.046} = 14.936 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

 Tại ngày 30/9/2021 (Theo BCTC Công ty mẹ):

Giá trị vốn chủ sở hữu của PGV tại 30/9/2021 là: **15.032.821.960.014** đồng.

Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại 30/9/2021 là: **1.123.468.046** cổ phiếu.

Vậy, giá trị sổ sách của cổ phiếu PGV tại thời điểm 30/9/2021 (theo BCTC Công ty mẹ) là:

$$\text{Giá trị 1 cổ phiếu} = \frac{15.032.821.960.014}{1.123.468.046} = 13.381 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

b. Phương pháp bình quân giá thị trường

Phương pháp theo giá thị trường được xác định theo thực tế giao dịch của cổ phiếu PGV trên thị trường UPCOM. Giá trị cổ phiếu PGV theo phương pháp thị trường là bình quân giá tham chiếu của hai mươi (20) phiên giao dịch gần nhất trước khi hủy đăng ký giao dịch trên SGDCK Hà Nội, tạm tính từ ngày 15/11/2021 đến ngày 10/12/2021 là: 35.855 đồng/cổ phiếu.

Mức giá tham chiếu chính thức trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu PGV sẽ được xác định lại sau khi SGDCK TP.HCM cấp Quyết định niêm yết và cổ phiếu PGV của Tổng Công ty được hủy đăng ký giao dịch trên SGDCK Hà Nội. Tổng Công ty sẽ thông báo đến SGDCK TP.HCM về mức giá tham chiếu chính thức và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

 Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên trên SGDCK TP.HCM:

Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên trên SGDCK TP.HCM được xác định theo Khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 295/QĐ-SGDHCM ngày 30/07/2019 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định 85/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 03 năm 2018 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh. Theo đó, Tổng Công ty sẽ xác định giá tham chiếu chính thức trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu PGV là bình quân giá tham chiếu

của hai mươi 20 (hai mươi) phiên giao dịch gần nhất trước khi hủy đăng ký giao dịch trên SGDCK Hà Nội.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP đã là công ty đại chúng từ ngày 06/3/2019, do đó tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài sẽ tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/03/2021 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Căn cứ vào Công văn số 6773/UBCK-PTTT ngày 28/10/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc hồ sơ thông báo tỷ lệ SHNN tối đa của Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP, theo đó tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa đối với cổ phiếu PGV của Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP là ở mức **50%** (tương đương **561.734.023** cổ phần).

7. Các loại thuế có liên quan đến chứng khoán niêm yết

7.1 Các loại thuế liên quan tới tổ chức niêm yết

Tổng công ty thực hiện kê khai và nộp các loại thuế theo quy định như: thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế môn bài thuế thu nhập cá nhân khi có thu nhập từ hoạt động đầu tư cổ phiếu và các loại thuế khác theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, từng Công ty con, công ty liên kết được áp dụng mức thuế riêng do được hưởng ưu đãi từ việc đầu tư, xây dựng các nhà máy điện.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Tổng công ty thực hiện nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn có liên quan

Thuế Giá trị gia tăng: Áp dụng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế Giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Giá trị gia tăng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thuế Thu nhập cá nhân: Tổng Công ty và các cổ đông trong công ty khi có thu nhập từ hoạt động đầu tư cổ phiếu phải nộp thuế Thu nhập cá nhân theo các quy định hiện hành.

7.2 Các loại thuế liên quan tới hoạt động giao dịch chứng khoán

❖ **Đối với nhà đầu tư cá nhân:** Theo Luật Thuế Thu nhập Cá nhân số 04/2007/QH12, ban hành ngày 21/11/2007 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009, Luật số 26/2012/QH13 ngày 22/11/2012 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân ngày 22 tháng 11 năm 2012 thì: Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: Thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.

- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:
 - + Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng.
 - + Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.
 - + Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

❖ **Đối với nhà đầu tư tổ chức:**

- Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau: Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất. Trong đó:
 - + Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán.
 - + Thuế suất = Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp của tổ chức đầu tư.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT**1. Tổ chức tư vấn****Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam****Trụ sở chính:** Tầng 12 & 17 Toà nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3936 6990 Fax: (024) 3936 0262

Chi nhánh Hồ Chí Minh: Lầu 1 và Lầu 7, Tòa nhà Green Star, 70 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3820 8116 Fax: (028) 3820 0508

Website: www.vCBS.com.vn**2. Tổ chức kiểm toán****Công ty TNHH PwC (Việt Nam)**

Địa chỉ: Lầu 8 Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, Phường Bến Nghé, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3823 0796

Website: www.pwc.com

VII. PHỤ LỤC LIÊN QUAN CỦA BẢN CÁO BẠCH

Phụ lục	Danh mục
Phụ lục I	Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Phụ lục II	Điều lệ Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP
Phụ lục III	Danh sách các văn bản pháp luật liên quan đến Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP
Phụ lục IV	Báo cáo về những tranh chấp pháp luật
Phụ lục IV	Bản sao hợp lệ Báo cáo tài chính kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2019, 2020, Báo cáo tài chính soát xét riêng và hợp nhất bán niên năm 2021 và Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất quý 3 năm 2021 của Tổng Công ty Phát điện 3 – CTCP.



BẢN CÁO BẠCH TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 12 năm 2021

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT
TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 - CÔNG TY CỔ PHẦN**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐINH QUỐC LÂM



TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ VĂN DANH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

KÊ TOÁN TRƯỞNG

VŨ PHƯƠNG THẢO

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

PHẠM HÙNG MINH

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**



TRẦN QUỐC VIỆT

